

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME
CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 150/H2024/CBTT-TDP
No: 150/H2024/CBTT-TDP

Hưng Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2024
Hung Yen, day 15 month 01 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;
- Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Thuận Đức

- Mã chứng khoán/Stock code: TDP

- Địa chỉ/Address: Thôn Bả Ngang, Thị trấn Lương Bả, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02213.810.705

Fax: 02213.810.706

- E-mail: info@thuanducjsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Công ty cổ phần Thuận Đức công bố Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày tại đường dẫn/This information was published on the company's website on (date), as in the link:

Ngày 15/01/2024 tại đường dẫn: <https://thuanducjsc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-cong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Person authorized to disclose information
(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
BÙI QUANG SỸ

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503900198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 ngày 17 tháng 07 năm 2023)



Thuanduc Jsc.,

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 02/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 01 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày/...../2023:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Thuanduc Jsc.,

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 381 0705 Fax: 0221 381 0706

Website: <http://thuanducjsc.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

..hsc

Công Ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0983057777



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 ngày 17 tháng 07 năm 2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	15.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	7.552.799 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	75.527.990.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi nghìn đồng)

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 028 3823 3299

Website: <https://hsc.com.vn/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức Tư vấn	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái.....	
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù ngành	10
4. Rủi ro về đợt chào bán	11
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro về quản trị công ty.....	12
7. Rủi ro khác	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	15
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành	17
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	21
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	28
10. Hoạt động kinh doanh	28
11. Chính sách đối với người lao động	56
12. Chính sách cổ tức	57
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	58
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	58

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	59
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	59
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	61
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	59
2. Tình hình tài chính	62
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành.....	67
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	68
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	77
1. Thông tin về cổ sáng lập.....	71
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	71
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	73
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	88
1. Loại cổ phiếu	88
2. Mệnh giá cổ phiếu	88
3. Tổng số liệu cổ phiếu chào bán.....	88
4. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá.....	88
5. Giá chào bán dự kiến	88
6. Phương pháp tính giá	88
7. Phương thức phân phối	88
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	89
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	90
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	91
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	91
12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	91
13. Các loại thuế có liên quan	91
14. Thông tin về các cam kết.....	92
15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	92
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	93
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	93

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	94
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	94
XII. NGÀY THẮNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	95
XIII. PHỤ LỤC.....	97

BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty.....	24
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 04/08/2023.....	28
Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, năm 2022, 09 tháng đầu năm 2023.....	33
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	34
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	35
Bảng 6: Lợi nhuận gộp Công ty hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	35
Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	36
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021.....	36
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021.....	37
Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	37
Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	37
Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2023.....	38
Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/09/2023.....	38
Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ.....	39
Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất.....	39
Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ.....	39
Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất.....	40
Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2021, 2022 đến thời điểm hiện tại.....	41
Bảng 19: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty.....	58
Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023.....	59
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022, 9 tháng đầu năm 2023.....	60
Bảng 22: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất.....	63
Bảng 23: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ.....	63
Bảng 24: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất.....	63
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ.....	64
Bảng 26: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất.....	64
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ.....	65
Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất.....	65
Bảng 29: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ.....	65
Bảng 30: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất.....	66
Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ.....	66
Bảng 32: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ.....	68
Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	71
Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan.....	71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Đức Cường	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Quang Sỹ	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Ông: Phạm Ngọc Bích Chức vụ: Giám đốc Điều hành

(Theo Văn bản Ủy quyền số 12-2022/VBUQ-HSC ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành số 05-2021/HĐDV-HSC-TCDN ngày 01 tháng 3 năm 2021 với Công ty cổ phần Thuận Đức. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thuận Đức cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Cổ Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Cổ Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid - 19, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,58%.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Tại giai đoạn hậu Covid-19, Việt Nam nằm trong nhóm nước được các tổ chức kinh tế thế giới dự báo có GDP tăng trưởng cao từ 6% - 6,5%/năm.

GDP năm 2022 tăng 8,02%, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. GDP 06 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam nói chung cũng như ngành bao bì nói riêng, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, chiến tranh Nga - Ukraine,

các hậu quả do dịch bệnh Covid – 19 gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Ngành sản xuất bao bì là một ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất chung, giữ vai trò trọng điểm, góp phần đáng kể cho sự tăng trưởng của kinh tế tài chính. Tuy nhiên, ngành sản xuất bao bì cũng là ngành chịu ảnh hưởng và khá phụ thuộc vào tình hình tăng trưởng kinh tế.

Trước những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, Công ty không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Suy thoái của nền kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất cũng như không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

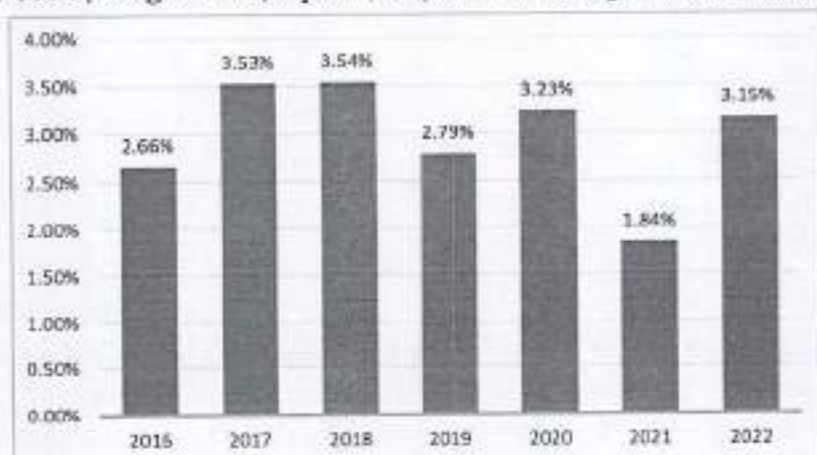
1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành bao bì.

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân (CPI) năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 3,15% so với cùng kỳ năm 2021 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới; giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển là những nguyên nhân chủ yếu làm CPI năm 2022 tăng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2023 tăng 0,27% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 06 năm 2023 tăng 0,67% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2%. CPI bình quân quý II/2023 tăng 2,41% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,29%; lạm phát cơ bản tăng 4,74%.

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và sản xuất bao bì nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng. Nếu mức tăng giá của thành phẩm không đủ để bù mức tăng giá của chi phí đầu vào thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị giảm tương ứng. Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp.

Những biến động về lạm phát kể trên sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới. Công ty luôn chủ động cập nhật các thông tin về lạm phát cũng như giá cả trên thị trường để kịp thời đưa ra những chính sách, kế hoạch kinh doanh phù hợp.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trong năm 2022, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng đạt tốc độ 14,5% so với cuối năm 2021. Trong khi tín dụng cả năm tăng mạnh, các ngân hàng lại gặp khó trong việc huy động tiền gửi, bất chấp lãi suất huy động liên tục tăng cao, có thời điểm mức lãi suất phổ biến kỳ hạn 12 tháng lên tới 9-10%/năm. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính tới ngày 21/12, tiền gửi chảy vào hệ thống ngân hàng qua kênh tổ chức và dân cư đạt 11,6 triệu tỷ đồng, chỉ tăng khoảng 5,99% so với đầu năm.

Đến 19/06/2023, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5%/năm.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Tại ngày 30/06/2023, tổng nợ vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty là 1.968 tỷ đồng chiếm 67% tổng tài sản. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế các rủi ro trên, TDP với đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình lãi suất và phân tích diễn biến cũng như ảnh hưởng của nó tới thị trường chứng khoán để có biện pháp đối phó kịp thời, nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro xảy ra.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp... và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro luật pháp, Tổ Chức Phát Hành luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó...

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro tỷ giá

Hàng hóa xuất khẩu của Công ty chiếm khoảng 40% tổng doanh thu, và khoảng 10% nguyên vật liệu (hạt nhựa nguyên sinh) của Công ty cũng được nhập khẩu. Hầu hết doanh thu xuất khẩu được thanh toán bằng USD, việc mua nguyên vật liệu chủ yếu được thanh toán bằng VND và một phần nhỏ là USD. Do đó việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân Hàng Nhà Nước cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hiện Ngân Hàng Nhà Nước đang điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt và tỷ giá USD/VND thường có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ giá USD/VND vẫn có thể biến động giảm. Hiện nay, thị trường các nước liên minh châu Âu (EU) là thị trường lớn nhất của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành có thể hạn chế các rủi ro tỷ giá thông qua các công cụ tài chính, nhưng Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng các biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh và triển vọng của Công ty.

Nhận thức được sự biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty như trên, Công ty thường xuyên phân tích, đánh giá, lường trước về sự biến động của tỷ giá, nhằm hạn chế một cách tối đa tác động bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2. Rủi ro về các thị trường xuất khẩu

Những thay đổi trong các chính sách từ các thị trường nhập khẩu có thể có những ảnh hưởng theo chiều hướng khác nhau của Công ty.

Châu Âu đang siết chặt những các quy định về quản lý hóa chất ngành nhựa, nghị viện EU cũng đã thông qua luật cấm sử dụng sản phẩm nhựa 1 lần cũng như đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất túi PP của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chính sách thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến ngành sản xuất túi PP của Việt Nam.

Ngoài ra, hàng hóa của Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác còn phải đối mặt với các nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản. Những thay đổi trong chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Tổ Chức Phát Hành khi mà 40% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu.

Để hạn chế rủi ro này, TDP luôn cố gắng mở rộng thị trường xuất khẩu, không phụ thuộc vào một hoặc một số thị trường nào, cũng như đầu tư nghiên cứu các sản phẩm thân thiện với môi trường.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước có thể có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như khả năng sinh lời của Công ty cổ phần Thuận Đức.

Với mức biên lợi nhuận có tiềm năng phát triển lớn cũng như thời gian thu hồi vốn nhanh, nên những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn là nhỏ lẻ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất lĩnh vực này có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài ra, sức ép cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp FDI do có nhiều lợi thế hơn so với các doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp FDI chấp nhận lỗ từ 3 – 5 năm để chiếm lĩnh thị trường.

Bên cạnh đó, ngành Nhựa Việt Nam hiện nay tuy phát triển nhưng vẫn còn là ngành khá non trẻ. Số lượng doanh nghiệp nhiều nhưng 80% là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với trình độ công nghệ khá hạn chế, đa phần là xưởng gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài, khoảng 85% thiết bị máy móc trong ngành phải nhập ngoại, trong đó có nhập từ Trung Quốc. Do đó, khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Thuận Đức nói riêng phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh lớn như Trung Quốc. Các doanh nghiệp nhựa Trung Quốc có thời gian hoạt động lâu năm với lợi thế nổi bật như mẫu mã đa dạng, giá thành rẻ, khả năng cung ứng nhanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Trung Quốc phải đối mặt với các hàng rào thuế quan khi xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam và khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ và châu Âu thì phải chịu tác động của rào cản chiến tranh thương mại cùng các loại thuế suất khác.

Bên cạnh đó, Công ty cũng phải luôn cải thiện quy trình hoạt động, chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh so với các công ty hoạt động cùng ngành trong và ngoài nước.

3.4. Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực bao bì đòi hỏi sự chính xác và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Sản phẩm của Công ty được quyết định bởi các yếu tố quan trọng là chất lượng thành phẩm, tiến độ giao hàng và sự ổn định nguồn nguyên liệu. Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một quy trình kiểm chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt trước khi xuất kho.

Do ngành nhựa bao bì có mức độ cạnh tranh cao, nên chất lượng, mẫu mã cũng như thương hiệu của Công ty phải luôn luôn cải tiến và nâng cao chất lượng, vị thế trên thị trường.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán có thể không thành công như dự kiến

Thời gian vừa qua, nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã chịu nhiều sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Mặc dù có nhiều tiến triển tích cực trong việc khống chế dịch bệnh và dần lấy lại đà tăng trưởng kinh tế nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động

tìm đối tượng khác để tiếp tục chào bán hoặc tìm kiếm nguồn vốn từ các nguồn vay khác hoặc điều chỉnh kế hoạch để đảm bảo việc thực hiện chiến lược kinh doanh đã đề ra.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi hoàn tất đợt phát hành ra công chúng, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên, các rủi ro về pha loãng có thể xảy ra như sau:

5.1 Pha loãng giá thị trường

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu TDP sẽ được điều chỉnh kỹ thuật, công thức tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{P_{L-1} + P_R * I_R}{1 + I_R}$$

$$= \frac{32.000 + 15.000 * 0,1}{1 + 0,1} = 30.455 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

P_{L-1} : 32.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua);

P_R : 15.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành giả định cho cổ đông hiện hữu dự kiến);

I_R : 0,1 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = 7.552.799 cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu / 75.527.993 cổ phần đang lưu hành).

5.2 Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) = Lợi nhuận sau thuế/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Khi Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phần, EPS có thể giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng vốn (tốc độ tăng lượng cổ phiếu lưu hành).

5.3 Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

6. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Là doanh nghiệp niêm yết trên SGDCK Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Công ty xây dựng cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với văn hóa, chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp, nghiêm túc chấp hành các quy định về quản trị nội bộ. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD/VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Công ty/TDP/Thuận Đức	:	Công ty cổ phần Thuận Đức
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Thuận Đức
HSC	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CK	:	Chứng khoán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
CĐ	:	Cổ đông
DVT	:	Đơn vị tính
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
HĐ	:	Hợp đồng
CBTT	:	Công bố thông tin
CPTTP	:	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

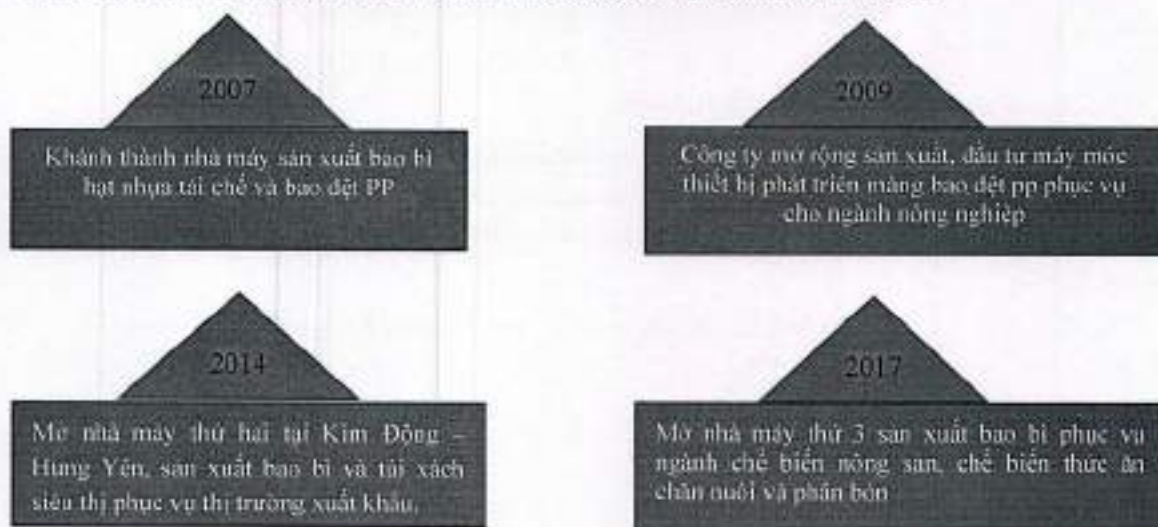
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

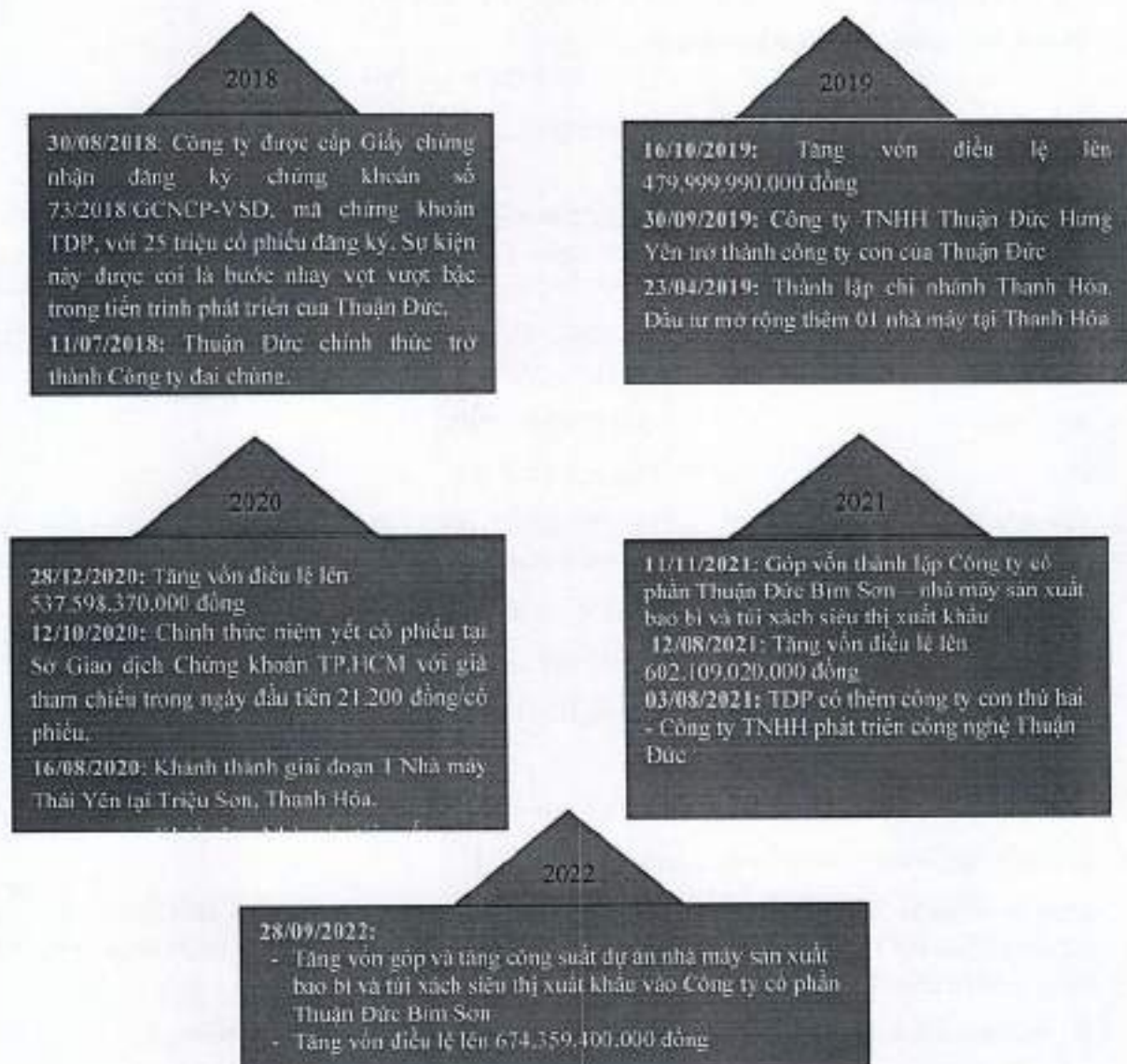
- Tên Công ty đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 17/07/2023
- Trụ sở chính: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (+84) 221.3810.705
- Fax: (+84) 221.3810.706
- Vốn điều lệ: 755.279.930.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm từ plastic
Chi tiết: sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu: TDP
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thuận Đức được thành lập năm 2007 với 01 nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP. Trải qua hơn 16 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước phát triển, nghiên cứu, đổi mới sản phẩm, phát triển mạng lưới.

❖ Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:

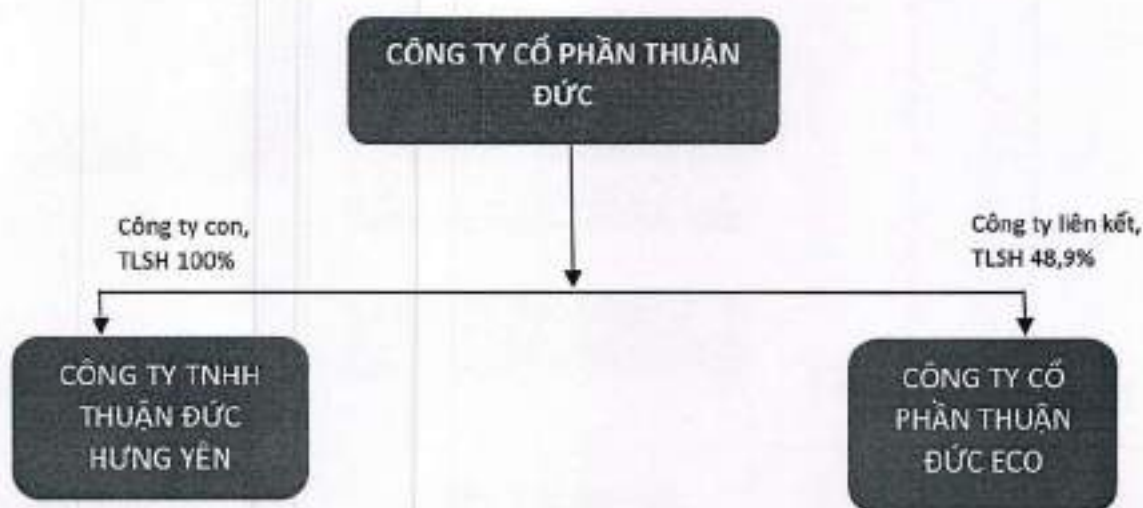




3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức hiện có 1 trụ sở Công ty (thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên), 01 công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên), 01 công ty liên kết (Công ty cổ phần Thuận Đức Eco), 01 chi nhánh tại Long An và 01 văn phòng tại Hà Nội.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TDP

❖ Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ Công ty cổ phần Thuận Đức Eco

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ Văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: TM3 TM4 Tòa H4 Hope Residence, Phố Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.

Văn phòng đại diện là văn phòng làm việc của đội ngũ kinh doanh quốc tế, là nơi liên lạc giữa khu vực Hà Nội với trụ sở Công ty và các nhà máy tại Hưng Yên, Thanh Hóa.

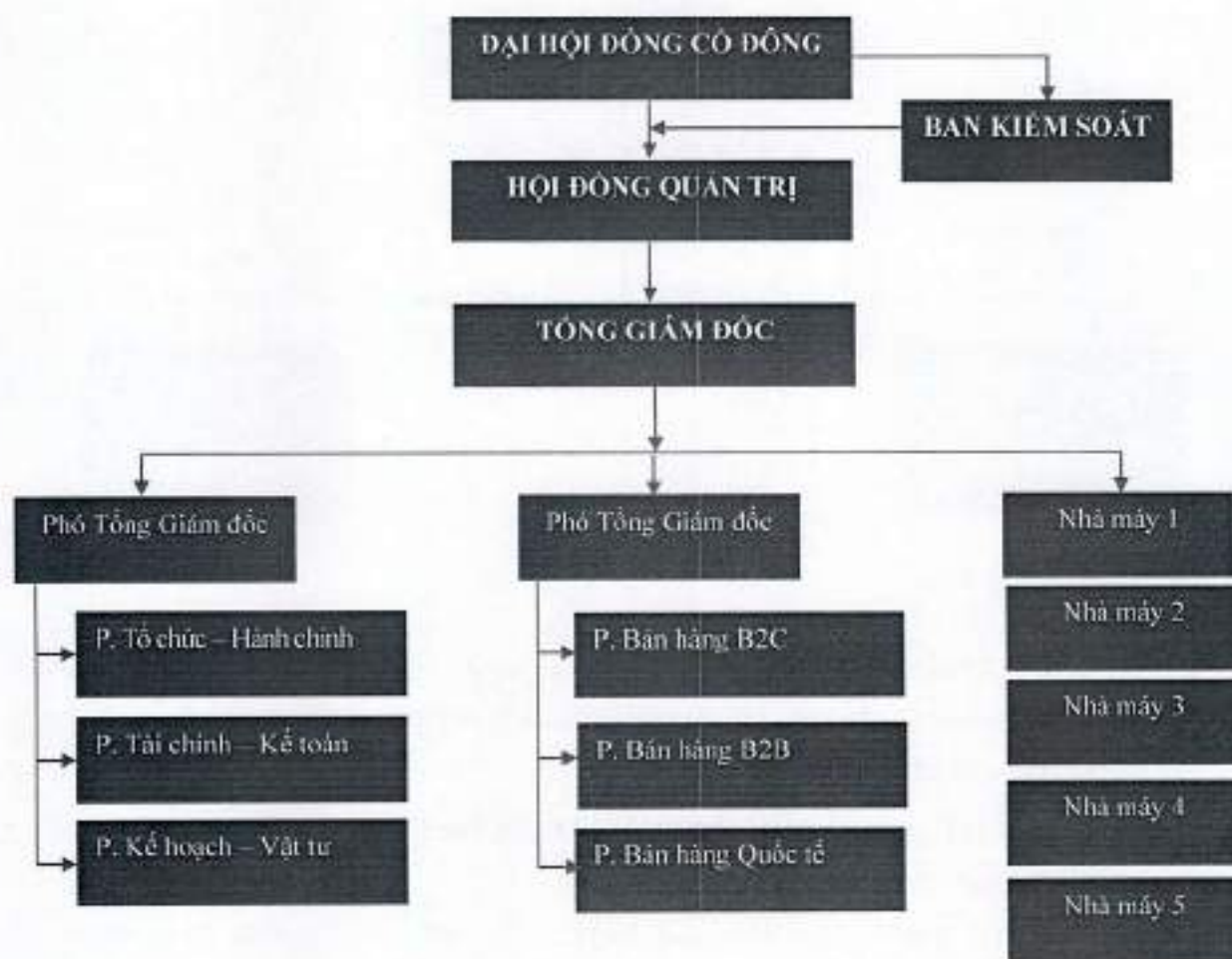
❖ Chi nhánh Long An

Địa chỉ: Số 247B, Ấp 4, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Chi nhánh Long An sẽ giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành

Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TDP

Hiện tại, Công ty cổ phần Thuận Đức đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ của Công ty.

4.2. Hội đồng Quản trị

Hội Đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HĐQT của Công ty hiện có 7 thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT, 4 thành viên HĐQT và 2 thành viên HĐQT độc lập.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Ban Kiểm soát và 01 thành viên Ban Kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ của Công ty.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Tổ Chức Phát Hành là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực bao bì...

4.5. Các phòng ban

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
1.	Phòng Tổ chức – Hành chính- Tiền lương	Trách nhiệm quản lý nhân sự, vận hành chung nội bộ công ty và các phòng ban; quản lý ban hành và kiểm soát quy trình quy định nội bộ của công ty. Quản lý tiền lương và phúc lợi cho người lao động, đảm bảo chính sách cho người lao động công ty.
2.	Phòng Tài chính – Kế toán	Trách nhiệm quản lý tài chính, ghi nhận và báo cáo định kỳ tới các cấp quản lý nội bộ. Quản lý tài chính và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, báo cáo tài chính cho cổ đông và đối tác.
3.	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất và vật tư phục vụ sản xuất Mua sắm đầu tư thiết bị vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty.
4.	Phòng Bán hàng B2C	Kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2C trong nước loại hàng phổ thông và bao bì nông sản, trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
5.	Phòng Bán hàng B2B	Phụ trách kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2B trong nước, sản phẩm bao bì phục vụ nhu cầu các ngành chăn nuôi, phân bón, bao nông sản cần in ấn.
6.	Phòng Bán hàng quốc tế	Tìm kiếm khách hàng và phụ trách bán các mặt hàng túi shopping xuất khẩu ra thị trường quốc tế phục vụ nhu cầu của Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản ...
7.	Khối công nghệ	Chịu trách nhiệm chính việc lắp đặt, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp đại tu máy móc thiết bị cho toàn hệ thống các nhà máy sản xuất của công ty.

4.6. Các nhà máy

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
1.	Nhà máy 1A	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2007; - Đang sản xuất: hạt tái sinh... - Công suất thiết kế 43.061 tấn hạt nhựa/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
2.	Nhà máy 1B	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: 2015; - Đang sản xuất: bao PP, manh, sợi... - Công suất thiết kế: 7.500 tấn sợi, 7.814 tấn dệt manh và 11.616 tấn bao bì/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
3.	Nhà máy 2	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2017; - Đang sản xuất Túi Shopping XK; túi shopping nội địa - Công suất thiết kế 150 triệu túi xuất khẩu/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
4.	Nhà máy 3	Thôn Lương Hội, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2017; - Đang sản xuất: Bao PP, bao BOPP; bao ống.... - Công suất thiết kế 9.000 tấn sợi, 8.933 tấn dệt manh và 14.221 tấn bao bì/năm. Công suất thực tế: 100% công suất thiết kế.
5.	Nhà máy 4	Thôn Bằng Ngang,	- Năm hoạt động: từ năm 2022;

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
		TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Đang sản xuất: vải không dệt, túi dán nhiệt...; - Công suất thiết kế 290 triệu túi/năm. Công suất thực tế: 10,208 tấn vải PP không dệt; 25,2 tấn túi dán nhiệt.
6.	Nhà máy 5	Thôn Thái Lai, Xã Thái Hòa, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	- Hoàn thành giai đoạn 1 năm 2020 và dự kiến đi vào hoạt động: năm 2024; - Sản phẩm dự kiến: Bao bì PP... - Công suất thiết kế 50.000 tấn sản phẩm/năm.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ chức Phát hành

Không có

5.2 Công ty con của Tổ chức Phát hành

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/09/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/09/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/09/23						
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	210.000	210.000	100	100	100	100	100	100
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức	20.000	20.000	100	100	0	0	0	0

Nguồn: TDP

5.2.1 Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên

- Trụ sở: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901003006
- Điện thoại: 02213810705
- Ngày thành lập: 06/12/2016
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động

- Vốn điều lệ đăng ký: 210.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 210.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên của TDP tại ngày 30/09/2023: 100%
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên tại Công ty cổ phần Thuận Đức tại ngày 30/09/2023: 0%

5.2.2 Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức (Hiện là Công ty Cổ phần TD IP)

- Trụ sở: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901105865
- Điện thoại: 02213810705
- Ngày thành lập: 03/08/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức của TDP tại ngày 31/12/2021: 100%
- Ngày TDP hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức: Tháng 05/2022
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức tại TDP ngày 30/09/2023: 0%

5.3 Công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/09/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/09/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/09/23						
Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	425.000	425.000	37,3	37,3	37,3	37,3	48,9	48,9

Nguồn: TDP

5.3.1 Công ty cổ phần Thuận Đức Eco

- Trụ sở: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Mã số thuế: 0901027871
- Điện thoại: 02216336789
- Ngày thành lập: 22/01/2018
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất túi xuất khẩu từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 425.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2023: 425.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Thuận Đức Eco của TDP tại ngày 30/09/2023: 48,9%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần TDP của Công ty cổ phần Thuận Đức Eco tại ngày 30/09/2023: 0%

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty

Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Thành lập			7.500	75.000	- Góp vốn khi thành lập	- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0503000198, cấp lần đầu ngày 22/01/2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 1 năm 2012	7.500	32.500	40.000	400.000	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 03:13	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 18/11/2011/TĐ-DHCD ngày 18/11/2011 - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 3 ngày 02/07/2012	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 2 năm 2013	40.000	60.000	100.000	600.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:3	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/01/2013/TĐ-DHCD ngày 15/01/2013; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 5 ngày 08/12/2014.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên

Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 3 năm 2015	100.000	40.000	140.000	400.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 5:2	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/01/2015/TĐ-DHCD ngày 05/01/2015; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2016.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 4 năm 2017	140.000	110.000	250.000	11.000.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu giá theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu ¹ , theo tỷ lệ 14:11	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/05/2017/TĐ-DHCD ngày 25/05/2017; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 7 ngày 30/06/2017.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 5 năm 2019	250.000	29.999	279.999	2.999.900	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/04/2019/NQ-DHCD-TDP ngày 23/04/2019, - Công văn số 4593/UBCK-QLCB ngày 30/7/2019 về việc nhận được tài liệu báo	- Ủy ban chứng khoán nhà nước

(1) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/05/2017/TĐ-DHCD ngày 25/05/2017 thông qua việc sửa đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 10.000 đồng/cổ phiếu

Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 6 năm 2019	279.999	200.000	479.999	20.000.000	- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/04/2019/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019; - Công văn số 5672/UBCK-QLCB ngày 19/9/2019 về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty;	- Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 7 năm 2020	479.999	57.598	537.598	5.759.838	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28/06/2020/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 28 tháng 06 năm 2020 - Công văn số 6642/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	- Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 8 năm 2021	537.598	64.510	602.109	6.451.065	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/04/2021/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 22 tháng 04 năm 2021 - Công văn số 3316/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	- Ủy ban chứng khoán nhà nước



Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 9 năm 2022	602.109	72.250	674.359	7.225.038	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2404/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 24 tháng 04 năm 2022 - Công văn số 7619/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	- Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 10 năm 2023	674.359	80.920	755.280	8.092.053	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28 tháng 04 năm 2023 - Công văn số 3246/UBCK-QLCB ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	- Ủy ban chứng khoán nhà nước

Nguồn: Công ty cổ phần Thuận Đức

Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các lần tăng vốn: không có

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm 2021 và 2022, có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên của Tổ chức phát hành tại doanh nghiệp khác.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 04/08/2023

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	426	75.477.505	99,9332
1	Cổ đông tổ chức	6	248	0,0003
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	420	75.477.257	99,9328
II	Cổ đông nước ngoài	15	50.448	0,0668
1	Cổ đông tổ chức	5	37.275	0,0494
2	Cổ đông cá nhân	10	13.213	0,0175
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,0000
	Tổng cộng	441	75.527.993	100,0000

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/08/2023 của Công ty

8.2 Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

8.3 Các loại chứng khoán khác:

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định pháp luật: 51%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: 51%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty tại thời điểm ngày 04/08/2023: 0,067%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Thuận Đức là doanh nghiệp chuyên sản xuất bao bì, túi siêu thị xuất khẩu.

Hiện nay, Công ty đang sản xuất & cung cấp 3 dòng sản phẩm bao bì chính là: túi siêu thị xuất khẩu, bao bì B2B, bao bì B2C.

- **Túi siêu thị (shopping bags):** đây là dòng sản phẩm chiến lược của Công ty chiếm hơn 50% lợi nhuận hàng năm của Công ty. Các sản phẩm này hiện được Công ty xuất khẩu phục vụ thị trường nước ngoài. Túi siêu thị là dòng túi xách thân thiện dùng để đi chợ, đi siêu thị, shopping, dạo phố... thay thế các loại bao bì kém thân thiện hiện nay như túi nilon. Túi siêu thị của TDP được đánh giá cao về chất lượng bởi mẫu mã đẹp, bao bì thân thiện, có thể tự hủy trong môi trường tự nhiên.

Trong một vài năm trở lại đây trên thế giới đã có sự chuyển dịch rõ ràng trong xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Chính phủ Châu Âu và Úc đã ban hành những lệnh cấm về việc sử dụng túi PE, và yêu cầu sử dụng sản phẩm túi PP tái chế. Năm bắt được xu hướng phát triển của ngành, từ nhiều năm trước TDP đã đầu tư công nghệ, con người để sản xuất, phát triển mảng túi siêu thị PP, và đến nay TDP đã có vị thế vững chắc ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm túi của TDP chất lượng tốt, thiết kế đẹp mắt, mẫu mã thân thiện mà giá cả phải chăng bắt kịp với thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường xuất khẩu, hiện sản phẩm đã có mặt tại thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Canada.... Trong chiến lược phát triển của TDP, những năm tới hoạt động xuất khẩu túi siêu thị PP tiếp tục là hoạt động mũi nhọn được TDP tập trung đẩy mạnh phát triển, mở rộng thị trường.

Dòng túi siêu thị của Công ty bao gồm các loại: túi PP dệt, túi PP không dệt, túi Rpet và túi lạnh. Túi PP dệt là loại túi sản xuất trên lớp màng dệt PP. Túi PP không dệt là loại túi sản xuất trên lớp màng không dệt PP. Túi Rpet là loại túi PP không dệt sản xuất bằng công nghệ cao. Túi lạnh là loại túi có thêm 01 lớp giữ nhiệt để bảo quản đồ đông lạnh.

- **Bao bì B2B:** là dòng bao bì cao cấp phục vụ ngành chế biến sản phẩm công nghiệp và thực phẩm như: thức ăn chăn nuôi, mía đường, tinh bột, phân bón... Bao bì với mẫu mã đẹp, màu sắc sinh động, thân thiện với môi trường. Chất lượng bao bì đảm bảo, bền, chắc chắn, chịu va đập tốt. Bao bì sử dụng vải PP dệt ghép màng BOPP theo nhu cầu, có thể lồng thêm túi PE chống ẩm bên trong. Một số đối tác uy tín mà Công ty cung cấp bao bì thức ăn chăn nuôi như: Công ty Cổ phần KKF (thương hiệu "Nai Vàng"), Công ty cổ phần phân bón Bình Điền, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F...
- **Bao bì B2C:** Đây là dòng bao bì bình dân phục vụ thị trường nội địa, cung cấp cho ngành nông sản như: lúa, gạo, ngô, bột mì, cafe, chè, tiêu... Với công nghệ in flexo 9 màu 2 mặt, sản phẩm bao bì của TDP đẹp, bền, chắc chắn, đáp ứng được số lượng lớn cho thị trường toàn quốc.

❖ Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

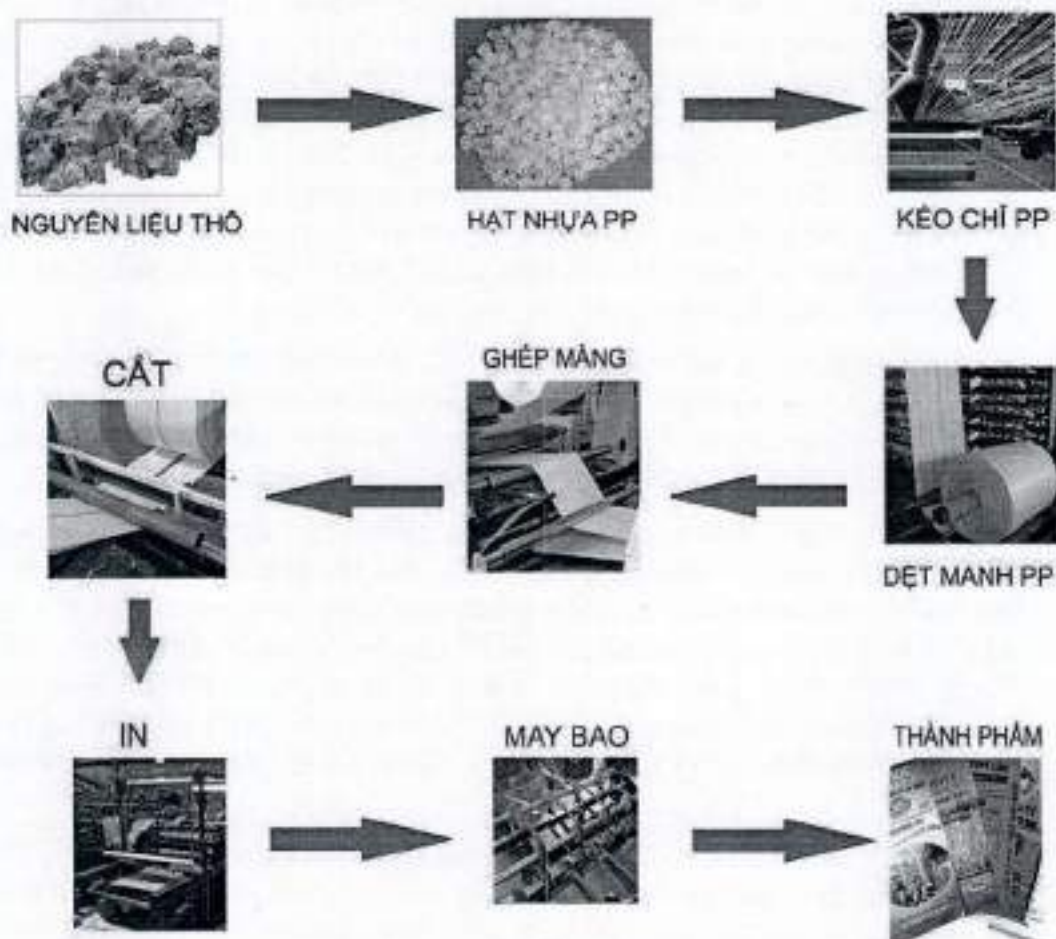
Tóm tắt quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP

- Công đoạn 1 - Tạo hạt: Nguyên liệu chính sản xuất bao bì PP là vỏ bao xi đập. Sau khi tiến hành kiểm đếm, phân loại, nguyên liệu đạt sẽ đưa vào dây chuyền máy băm, nguyên liệu không đạt sẽ đưa vào giặt lại. Kết hợp với phụ gia qua dây chuyền máy tạo thành thành phẩm hạt nhựa;
- Công đoạn 2 - Kéo chỉ: Thành phẩm hạt nhựa kết hợp với phụ gia (bột màu, hạt màu, ...)

qua dây chuyền máy sợi kéo thành sợi;

- Công đoạn 3 - Dệt thành manh: Thành phẩm sợi được đưa vào hệ thống máy dệt tạo thành thành phẩm manh dệt;
- Công đoạn 4 - Tráng ghép, in ấn: Sử dụng công nghệ tráng ghép tự động để ghép mảnh PP với màng OPP/BOPP nhằm gia tăng độ dày, độ bền cơ học cho bao bì và tăng tốc độ tráng ghép bán thành phẩm. Sau đó, kết hợp với mực in, dung môi, bản in, ...qua dây chuyền máy in tạo thành thành phẩm manh in;
- Công đoạn 5 - May: Thành phẩm manh dệt, manh in, manh tráng qua máy may tạo thành 2 loại thành phẩm: manh cắt và bao bì.

Hình 5 : Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP



(Nguồn: TDP)

Quy trình sản xuất túi siêu thị PP

Quy trình sản xuất túi siêu thị PP tại TDP trải qua nhiều giai đoạn với đầu vào là sản phẩm của manh dệt PP hoặc manh không dệt PP (hiện nay TDP đang trong quá trình xây dựng nhà máy mới để sản xuất manh không dệt PP, đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu), trong đó giai đoạn “in và tráng ghép” là giai đoạn đòi hỏi kỹ thuật cao, phản ánh chất lượng sản phẩm, tiếp đến là giai đoạn cắt may và hoàn thiện sản phẩm. Ngoài ra, khâu sản xuất quai túi không phải công ty sản xuất nhựa nào tại thị trường Việt Nam cũng có thể sản xuất được, việc TDP có thể tự sản

xuất quai nhựa giúp Công ty hạ giá thành sản phẩm và chủ động được mẫu mã sản phẩm, màu sắc, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đầu vào.

Hình 6 : Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể túi shoppings



(Nguồn: TDP)

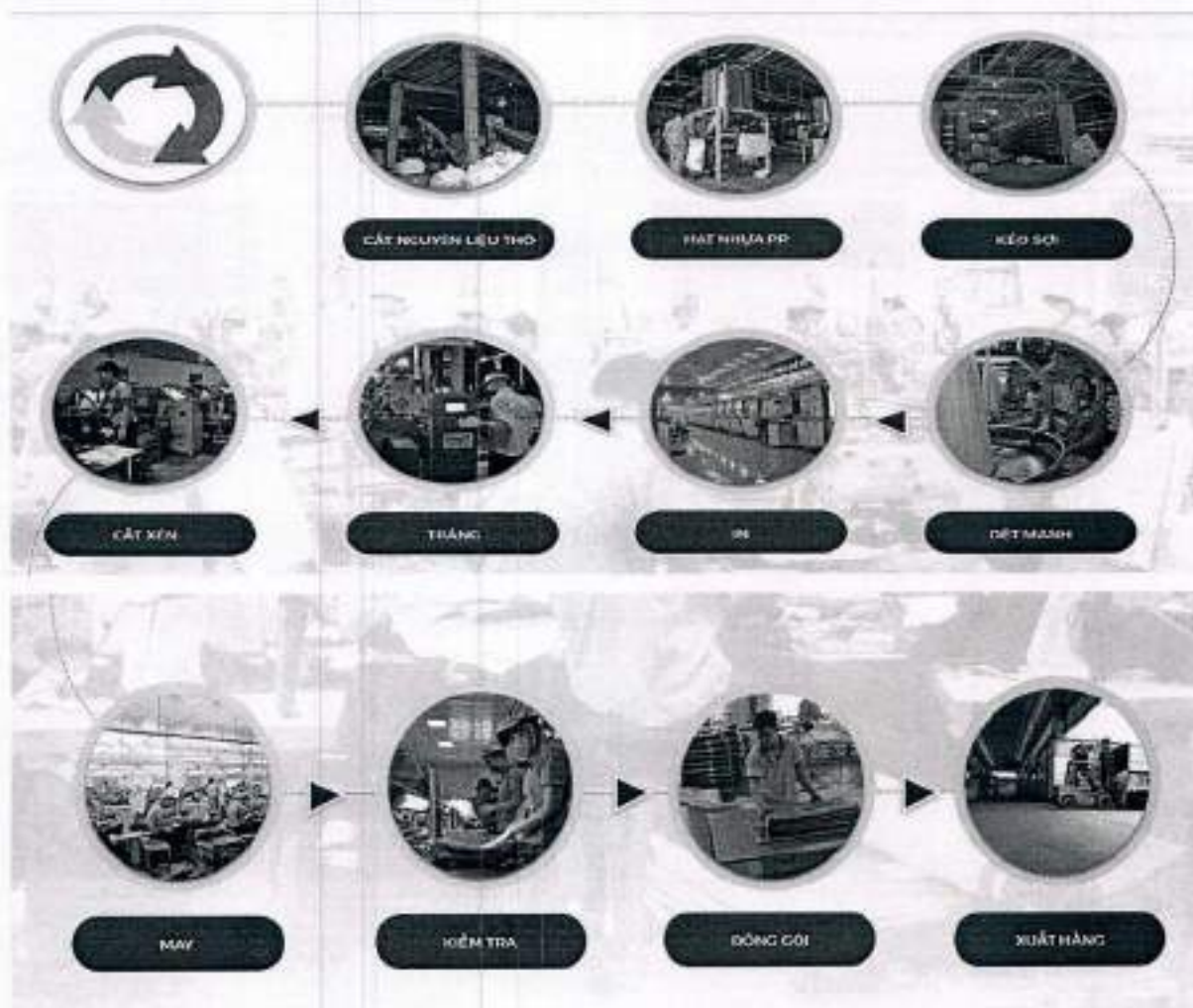
- Công đoạn 1: Sản xuất manh dệt sử dụng nguyên liệu hạt nhựa tái chế từ nhà máy 1 và nguyên liệu hạt nguyên sinh nhập khẩu (tùy từng yêu cầu kỹ thuật khác nhau mà có các công thức phối trộn khác nhau) được đưa vào dây chuyền kéo sợi, sau đó được chuyển sang dây chuyền dệt để dệt thành manh theo các quy cách, kích thước phù hợp với từng đơn hàng, được thu thành cuộn để chuyển đến bộ phận tráng ghép phức hợp.
- Công đoạn 2: In hình ảnh lên màng, sử dụng màng nguyên liệu BOPP (nhập khẩu từ các nhà cung cấp như: DECO, GETEL, Zhengzen....) được đưa qua máy in 8 - 9 màu để in các nội dung, hình ảnh màu lên, đặc biệt tại máy in có công nghệ chồng hình tự động, tự phát hiện và hiệu chỉnh hình ảnh, chạy tốc độ cao (200 - 220m/phút) cho ra hình ảnh chuẩn, chất lượng cao. Qua công đoạn in sản phẩm được thu thành cuộn chuyển đến bộ phận tráng ghép.
- Công đoạn 3: Sản xuất manh PP không dệt hiện nay TDP chưa sản xuất được, thời gian tới khi TDP hoàn thành nhà máy mới sẽ tiến hành sản xuất manh không dệt. Hiện nay 100% manh không dệt TDP nhập từ các đơn vị cung cấp trong nước. Nguyên liệu chính để sản xuất túi manh không dệt là PP và taical chuyên dùng cho ngành PP không dệt được đưa vào thùng xào liệu, xào nóng nên 70 - 80 độ C, sau đó đưa vào ruột gà có cấu trúc đặc biệt (khác

với máy sản xuất sợi thường) có lực ép lớn, đẩy nhựa ra 2 miệng khuôn của máy thành 2 lớp sợi, 2 lớp này đi qua dàn lỗ ép có các đầu tạo lỗ ép 2 lớp này lại với nhau tạo thành 1 lớp dính vào nhau, sau đó được dẫn hướng đến lô thu cuộn có dao cắt phẳng 2 bên, có kích thước chuẩn và thu cuộn thành phẩm lại (thành phẩm tại công đoạn dùng để làm nguyên liệu cho tráng ghép phức hợp hoặc để in lưới sau đó cắt bán thành phẩm đi may thành túi).

- Công đoạn 4: Tráng ghép phức hợp sử dụng nguyên liệu là màng in được sản xuất từ công đoạn 2 cộng với manh dệt được sản xuất từ công đoạn 1 (hoặc manh không dệt được nhập vào) cộng với hạt nhựa và phụ gia tráng (nhập khẩu và trong nước) qua máy tráng ghép dính 2 lớp manh và màng với nhau bằng hỗn hợp nhựa tráng được gia nhiệt bằng máy tráng cùng lúc tráng ghép 2 mặt với tốc độ cao (100 - 120m/p) có công nghệ chống hình tự động (tự hiệu chỉnh ghép 2 mặt đúng với hình ảnh yêu cầu của từng loại hàng), sau đó thu lại thành cuộn chờ chuyển sang công đoạn cắt dập.
- Công đoạn 5: In lưới (áp dụng với túi không tráng ghép) sử dụng nguyên liệu manh không dệt nhập, sau đó được đưa vào dây chuyền in lưới in lên các hình ảnh theo yêu cầu, sau đó được cuộn lại chờ đưa qua bộ phận cắt dập để cắt bán thành phẩm.
- Công đoạn 6: Sợi - Quai sử dụng nguyên liệu chính là hạt nhựa PP và hạt màu được qua máy tạo sợi thu thành cuộn, sau đó đưa qua máy đánh bin chia lại, quấn vào các lô quấn dành cho máy dệt (BIN) sau đó được dệt thành các quai có quy cách theo yêu cầu (khổ, định lượng, kiểu dệt, màu sắc...). Thành phẩm sau dệt là dây quai được quấn vào thành bánh (cuộn) chuyển sang dây chuyền máy cắt quai theo chiều dài yêu cầu sau đó được đóng bao chờ may vào túi.
- Công đoạn 7: Cắt bán thành phẩm manh phức hợp được tạo ra từ công đoạn 4 được đưa qua máy gấp hông để gấp sẵn hông túi lại sau đó (hoặc manh PP không dệt in lưới được tạo ra từ công đoạn 5) được đưa vào dây chuyền cắt dập với công suất cao (65 cái/phút) để cắt ra bán thành phẩm chờ may. Đặc biệt tại bộ phận cắt dập có hệ thống máy cắt dán nhiệt tự động với các mẫu túi được tạo ra hoàn toàn tự động mà đầu vào là dạng cuộn, đầu ra là túi thành phẩm với năng suất 80 cái/phút. Với dây chuyền cắt dán tự động này có thể tiết giảm lao động và chi phí nhân công may đáng kể (1 máy tương đương 80 - 100 công nhân may).
- Công đoạn 8: May Sử dụng thành phẩm được tạo ra từ công đoạn 6 và công đoạn 7, chuyển vào dây chuyền may với nhiều công đoạn như may quai (lập trình), may miệng, may đáy, may viền, may hông, và may các chi tiết phụ, sau đó túi được gấp lại theo quy cách yêu cầu. Riêng về công đoạn này TDP đang có sẵn hệ thống đối tác gia công với quy mô tổng lao động gần 4.000 người để đáp ứng, các đối tác gia công nằm rải rác tại các tỉnh Miền Bắc (Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Tuyên Quang, Nam Định...) được công ty cắt cử xe vận chuyển và có hệ thống nhân sự kiểm soát và lập kế hoạch hàng ngày. Khi may xong TDP sẽ bố trí thu về nhà máy chờ kiểm tại Phòng bảo đảm.
- Công đoạn 9: Kiểm hàng 100% các sản phẩm túi được chuyển vào dây chuyền kiểm hàng tại nhà máy và được kiểm chi tiết từng cái, phân loại ra các sản phẩm không đạt tiêu chí chất lượng của khách hàng và tiêu chí của TDP để đưa vào tái chế, các sản phẩm đạt được đưa qua dây chuyền soi kim loại và đóng gói tự động vào thùng carton và chuyển nhập kho chờ xuất bán. Như vậy để sản xuất ra được một túi shoppings PP tính từ lúc: thu mua phế liệu đầu vào (các bao bì, dây chấu, thảm, màng, văn phòng phẩm ...) cho đến lúc kiểm tra chất lượng, đóng gói, giao hàng sẽ mất ít nhất 09 tháng (chưa kể một số nguyên liệu đầu vào các hạt nhựa PP nguyên sinh phải nhập khẩu mất trung bình từ (4 - 6 tháng). Tuy nhiên, do TDP luôn chuẩn bị sẵn sàng các khâu: thu gom nguyên liệu đầu vào, sản xuất nhựa tái chế PP,

ống sợi PP (để sản xuất manh PP), chỉ PP (để dệt quai túi), dệt màng PP, dệt các sản phẩm quai túi theo tính toán của bộ phận kế hoạch kinh doanh cũng như kinh nghiệm sản xuất thực tiễn hơn 12 năm qua... nên TDP luôn dự trữ được sẵn các sản phẩm đầu vào cũng như sản xuất các bán thành phẩm cần thiết cho công đoạn sản xuất túi shopping. Do vậy, khi có đơn hàng từ khách hàng, thời gian hoàn thiện đơn hàng sẽ được rút ngắn đáng kể, trung bình từ 35 - 45 ngày để hoàn thiện một đơn hàng, đặc biệt có đơn hàng TDP chỉ hoàn thiện trong vòng 22 ngày, hơn nữa các máy sản xuất của TDP không phải dừng hay tạm dừng mà hoạt động hầu như liên tục 24/7, tránh những hao hụt không đáng có. Với dây chuyền hiện đại khép kín, TDP hạn chế hao hụt nguyên liệu đặc biệt là các hao hụt trong quá trình dệt manh, tạo sợi do các sản phẩm lỗi, chỉ thừa, manh vụn đều có thể quay lại tái sử dụng để sản xuất hạt nhựa PP.

Tổng hợp quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP



Nguồn: TDP

❖ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

10.1.2. Giá trị sản phẩm qua các năm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, năm 2022, 09 tháng đầu năm 2023

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng đầu năm 2023
1	Hạt nhựa tái sinh	Tấn	16.653	18.914	9.944
2	Manh dẹt PP	Tấn	8.178	8.385	5.820
3	Bao bì PP	tấn	5.382	5.873	4.779
4	Túi shopping	Cái	69.056.063	113.834.374	55.377.359

Nguồn: TDP

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

◆ Doanh thu, lợi nhuận gộp

Doanh thu bán hàng từ các sản phẩm chính của Thuận Đức các năm 2021, 2022 đều chiếm tỷ trọng trên 99% tổng doanh thu, chủ yếu là doanh thu từ bán các sản phẩm: hạt nhựa, manh nhựa, bao bì nhựa và túi siêu thị. Năm 2021 đánh dấu sự ảnh hưởng sâu rộng của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế toàn cầu, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp chịu nhiều biến động. Thuận Đức cũng không phải ngoại lệ. Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến đơn hàng của Công ty từ các thị trường Âu – Mỹ trong năm 2021. Tuy nhiên, với sự chủ động trong công tác dự báo và xây dựng các kịch bản đối phó dự phòng, Công ty đã hoàn thành “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh vừa ổn định sản xuất kinh doanh. Doanh thu thuần năm 2022 của công ty mẹ và hợp nhất tăng tương ứng 34,52% và 33,10% so với năm 2021.

Tổng giá trị doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2023 trên BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt là 2.714 tỷ đồng và 2.337 tỷ đồng.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Doanh thu bán hàng, sản phẩm chính	2.435.730	99,8	3.241.161	99,8	2.709.450	99,8
2	Doanh thu dịch vụ, sản phẩm phụ.	4.379	0,2	6.535	0,2	5.331	0,2
3	Doanh thu thuần	2.440.109	100,0	3.247.696	100,0	2.714.781	100,0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng (%)	Triệu đồng	Tỷ trọng (%)	Triệu đồng	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng, sản phẩm chính	2.164.249	99,8	2.913.416	99,9	2.332.875	99,8
2	Doanh thu dịch vụ, sản phẩm phụ	3.944	0,2	3.248	0,1	4.521	0,2
3	Doanh thu thuần	2.168.193	100,0	2.916.664	100,0	2.337.396	100,0

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

Bảng 6: Lợi nhuận gộp Công ty hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Bao PP	78,897.7	25,5	110.902,0	30,0	67.918	26,6
2	Hạt nguyên sinh	61,878.2	20,0	24.192,3	6,6	35.850	14,1
3	Hạt tái sinh	5,196.7	1,7	8.506,0	2,3	2.548	1,0
4	Manh	47,074.6	15,2	40.839,8	11,1	32.215	12,6
5	Sợi	-	-	36,1	0,0	-	0,0
6	Túi shopping	111,301.3	36,0	177.278,9	48,0	106.822	41,9
7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	932.9	0,3	505,6	0,1	2.354	0,9
8	Khác	4,281.2	1,4	6.881,3	1,9	7.261	2,8
	Tổng cộng	309.562,6	100,0	369.142,0	100,0	254.968	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023 của TDP

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Bao PP	37.028,1	15,2	48.176,9	16,2	38.547,1	18,7
2	Hạt nguyên sinh	51.536,2	21,2	39.740	13,3	33.438,6	16,2
3	Hạt tái sinh	2.999,3	1,2	8.731,6	2,9	4.758,2	2,3
4	Manh	36.753,3	15,1	27.560,3	9,2	16.409,0	8,0
5	Sợi	-	-	-	-	-	0,0
6	Túi shopping	111.301,3	45,8	169.670,7	56,9	106.821,9	51,8
7	Vải không dệt, túi dân nhiệt	932,9	0,4	171,7	0,1	2.353,7	1,1
8	Khác	2.615,9	1,1	3.920,2	1,3	4.040,0	2,0
	Tổng cộng	243.167,0	100,0	297.971,4	100,0	206.368,5	100,0

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty mẹ, thì tỷ trọng từ túi shopping chiếm tỷ trọng cao nhất. Năm 2021 và 2022, cũng như 9 tháng đầu năm 2023 lần lượt đạt các giá trị và tỷ trọng là 111,3 tỷ đồng chiếm 45,8%, 169,6 tỷ đồng chiếm 56,9% và 106,8 tỷ đồng chiếm 51,8%. Tiếp theo đó là sự đóng góp từ bao PP, hạt nguyên sinh, manh. Các sản phẩm còn lại có sự đóng góp không đáng kể.

10.2 Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2023 như sau:

Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	651.082.848.858	208.711.875.800	442.370.973.058
Nhà cửa và vật kiến trúc	158.518.176.533	34.738.687.368	123.779.489.165
Máy móc thiết bị	426.798.041.744	142.762.508.763	284.035.532.981
Phương tiện vận chuyển	55.509.142.693	28.256.218.821	27.252.923.872
Thiết bị văn phòng	9.506.010.070	2.869.567.308	6.636.442.762
Tài sản cố định khác	751.477.818	84.893.540	666.584.278
Tài sản cố định vô hình	1.391.517.500	308.117.259	1.083.400.241
Phần mềm	1.391.517.500	308.117.259	1.083.400.241
Tổng cộng	652.474.366.358	209.019.993.059	443.454.373.299

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	454.194.978.346	166.617.125.809	287.577.852.537
Nhà cửa và vật kiến trúc	85.751.929.818	24.861.935.888	60.889.993.930
Máy móc thiết bị	315.738.861.528	115.243.978.881	200.494.882.647
Phương tiện vận chuyển	47.103.431.693	24.774.401.279	22.329.030.414
Thiết bị văn phòng	4.884.555.307	1.662.205.591	3.222.349.716
Tài sản cố định khác	716.200.000	74.604.170	641.595.830
Tài sản cố định vô hình	1.354.517.500	278.517.243	1.076.000.257
Phần mềm	1.354.517.500	278.517.243	1.076.000.257
Tổng cộng	455.549.495.846	166.895.643.052	288.653.852.794

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	729.272.318.473	260.093.832.490	469.178.485.983
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.516.761.449	44.402.085.162	182.114.676.287
Máy móc thiết bị	434.922.410.165	178.448.110.709	256.474.299.456
Phương tiện vận chuyển	53.408.903.029	32.687.225.624	20.721.677.405
Thiết bị văn phòng	10.585.766.012	4.239.006.325	6.346.759.687
Tài sản cố định khác	3.838.477.818	317.404.670	3.521.073.148
Tài sản cố định vô hình	3.359.892.500	763.765.186	2.596.127.314
Phần mềm	3.359.892.500	763.765.186	2.596.127.314
Tổng cộng	732.632.210.973	260.857.597.676	471.774.613.297

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	529.796.641.864	205.635.178.186	324.161.463.678
Nhà cửa và vật kiến trúc	153.750.514.734	31.427.619.986	122.322.894.748
Máy móc thiết bị	322.769.684.380	142.722.391.601	180.047.292.779
Phương tiện vận chuyển	46.601.845.228	28.953.209.866	17.648.635.362
Thiết bị văn phòng	5.863.397.522	2.358.327.561	3.505.069.961
Tài sản cố định khác	811.200.000	173.629.172	637.570.828
Tài sản cố định vô hình	2.965.467.500	679.108.522	2.286.358.978

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Phần mềm	2.965.467.500	679.108.522	2.286.358.978
Tổng cộng	532.762.109.364	206.314.286.708	326.447.822.656

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	747.784.170.451	300.459.718.838	447.324.451.613
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.516.761.449	52.999.377.223	173.517.384.226
Máy móc thiết bị	442.078.456.160	204.290.255.953	237.788.200.207
Phương tiện vận chuyển	64.207.903.029	37.037.615.959	27.170.287.070
Thiết bị văn phòng	11.059.571.995	5.346.898.621	5.712.673.374
Tài sản cố định khác	3.921.477.818	785.571.082	3.135.906.736
Tài sản cố định vô hình	3.918.842.500	1.279.648.642	2.639.193.858
Phần mềm	3.918.842.500	1.279.648.642	2.639.193.858
Tổng cộng	751.703.012.951	301.739.367.480	449.963.645.471

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/09/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	544.581.692.768	235.847.927.440	308.733.765.328
Nhà cửa và vật kiến trúc	153.750.514.734	37.701.626.775	116.048.887.959
Máy móc thiết bị	326.281.929.301	162.263.670.455	164.018.258.846
Phương tiện vận chuyển	57.400.845.228	32.677.327.524	24.723.517.704
Thiết bị văn phòng	6.337.203.505	2.950.279.764	3.386.923.741
Tài sản cố định khác	811.200.000	255.022.922	556.177.078
Tài sản cố định vô hình	3.524.417.500	1.141.378.231	2.383.039.269
Phần mềm	3.524.417.500	1.141.378.231	2.383.039.269
Tổng cộng	548.106.110.268	236.989.305.671	311.116.804.597

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2023 của TDP

10.3 Thị trường hoạt động

Hiện tại, Thuận Đức là doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) tại Việt Nam dựa trên việc chú trọng đầu tư công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng.

Với các sản phẩm ưu việt như bao bì nông sản, bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì phân bón, ... Thuận Đức đang là đối tác cung cấp chính cho nhiều doanh nghiệp uy tín như: CTCP Phân bón Bình Điền, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hưng Việt... Tập khách hàng hơn 500 khách hàng doanh nghiệp đối tác đã giao dịch và hơn 300 đại lý phân phối trên toàn quốc thường xuyên giao dịch.

Đặc biệt dòng sản phẩm túi siêu thị thân thiện với môi trường của Công ty rất được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới, ngay cả với các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU. Thuận Đức hiện đang là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới.

Năm 2021 do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 khiến cho hoạt động kinh doanh và xuất khẩu của TDP gặp một số khó khăn. Tuy nhiên với sự nhạy bén, linh hoạt, trong năm 2022 Ban lãnh đạo Công ty đã có chiến lược kinh doanh phù hợp. Công ty đã tích cực đẩy mạnh hoạt động sản

xuất, kinh doanh phục vụ thị trường trong nước, góp phần duy trì sự tăng trưởng và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh ngay cả trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn vì đại dịch. Tăng trưởng doanh thu từ thị trường trong nước theo BCTC kiểm toán công ty mẹ là 31,4%, đạt giá trị 2.240 tỷ đồng, 9 tháng đầu năm 2023 doanh thu từ thị trường trong nước cũng đạt 1.917 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 82% trong tổng doanh thu.

Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	242.325	11,2	282.821	9,7	134.214	5,7
2	Bắc Mỹ	114.199	5,3	227.339	7,8	63.310	2,7
	Nam Mỹ	44.566	2,1	82.546	2,8	54.022	2,3
3	Châu Á + Úc + khác	63.135	2,9	83.899	2,9	168.775	7,2
4	Trong nước	1.703.969	78,6	2.240.060	76,8	1.917.075	82,0
Tổng cộng		2.168.194	100,0	2.916.665	100,0	2.337.396	100,0

Nguồn: TDP

Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	242.325	9,9	282.821	8,7	134.214	4,9
2	Bắc Mỹ	114.199	4,7	227.339	7,0	63.310	2,3
3	Nam Mỹ	44.566	1,8	82.546	2,5	54.022	2,0
4	Châu Á + Úc + khác	63.135	2,6	83.899	2,6	168.775	6,2
5	Trong nước	1.975.885	81,0	2.571.091	79,2	2.294.460	84,5
Tổng cộng		2.440.109	100,0	3.247.696	100,0	2.714.781	100,0

Nguồn: TDP

Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	57.704	23,7	71.041	23,8	31.518	15,3
2	Bắc Mỹ	27.194	11,2	57.105	19,2	16.221	7,9
3	Nam Mỹ	10.612	4,4	20.734	7,0	11.884	5,8

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
4	Châu Á + Úc + khác	15.034	6,2	21.074	7,1	44.902	21,8
	Trong nước	132.622	54,5	128.017	43,0	101.843	49,4
	Tổng cộng	243.167	100,0	297.971	100,0	206.369	100,0

Nguồn: TDP

Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	57.704	18,6	71.041	19,2	31.518	12,4
2	Bắc Mỹ	27.194	8,8	57.105	15,5	16.221	6,4
3	Nam Mỹ	10.612	3,4	20.734	5,6	11.884	4,7
4	Châu Á + Úc + khác	15.034	4,9	21.074	5,7	44.902	17,6
	Trong nước	199.008	64,3	199.187	54,0	150.442	59,0
	Tổng cộng	309.552	100,0	369.142	100,0	254.967	100,0

Nguồn: TDP

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm	Đầu tư tài sản	Giá trị	Hiệu quả được đầu tư
2021	Hoàn thiện các hạng mục cuối mở rộng, nâng cấp nhà máy số 1	3 tỷ	Đồng bộ việc vận chuyển nội bộ trong nhà máy, nơi làm việc thuận tiện cho cán bộ nhân viên và tiết kiệm diện tích sử dụng.
	21 máy dệt tròn SBY, 2 dây truyền máy in và 10 máy cắt may tự động	24 tỷ	Tăng thêm công suất nhà máy dệt bao bì Thuận Đức, bổ sung năng lực cho sản xuất túi và công nghệ dệt, công nghệ in mới nhất.
	Máy đùn nhựa tái sinh	8 tỷ	Bổ sung năng lực và công nghệ máy đùn nhựa tái sinh khối tái sinh, nâng cao chất lượng nhựa.
	Hoàn thiện nhà ăn ca, nhà nghỉ cán bộ nhân viên NMI	3 tỷ	Đảm bảo an sinh tại chỗ nghỉ ngơi cho cán bộ nhân viên công ty và đội ngũ công nhân lành nghề.

2022	Đầu tư sản thương mại làm văn phòng bán hàng quốc tế, trưng bày sản phẩm	50 tỷ	Văn phòng đại diện hoạt động tại Hà Nội, rút ngắn khoảng cách tới nhà máy thực hiện công việc và rút ngắn thời gian tiếp đón các khách hàng quốc tế.
	08 bộ máy cắt may tự động nâng cao năng suất cắt may	24 tỷ	Tăng thêm công suất nhà máy dệt bao bì Thuận Đức, bổ sung năng lực cho sản xuất, đáp ứng được nhanh hơn các đơn hàng lớn.
	Đầu tư hệ thống băng tải kiểm đếm túi siêu thị	4 tỷ	Tiết kiệm thời gian hơn trong việc kiểm đếm hàng hóa, xuất hàng được nhanh hơn và đảm bảo chính xác hơn. Giảm tải khối lượng nhân sự và thời gian làm việc
	Nâng cấp các hệ thống kho chứa, cải tạo nhà xưởng NM2	6 tỷ	Tăng diện tích nhà xưởng và nhà kho chứa hàng, giảm chi phí vận chuyển nội bộ.
	Đầu tư hệ thống các phần mềm vận hành, phần mềm kế toán và hệ thống công nghệ thông tin	5 tỷ	Tiết kiệm thời gian làm việc, thời gian tương tác công việc chi tiết. Hệ thống thông tin, vận hành phần mềm được giảm tải.
2023	Bổ sung xe vận tải kéo hàng	3,5 tỷ	Tiết giảm chi phí thuê vận chuyển ngoài.
	Bảo dưỡng duy tu các máy móc thiết bị vận hành đúng công suất và thêm các máy phụ trợ	4 tỷ	Tiết giảm thời gian vận hành máy móc và đảm bảo sản lượng được duy trì, vận hành ổn định các dây chuyền đã đầu tư.
Trên bảng là một số tài sản đầu tư tiêu biểu của Thuận Đức đã thực hiện trong các năm với mục tiêu ổn định sản xuất, duy trì chất lượng tài sản, bổ sung tài sản cần thiết và cải tạo lại các điều kiện lao động, điều kiện môi trường tại các nhà máy của công ty. Ngoài ra còn nhiều hạng mục nhỏ khác được đầu tư song song, liên tục trong quá trình vận hành nhà máy.			

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2021, 2022 đến thời điểm hiện tại

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
I	Hợp đồng đầu ra							
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1211/2021/H ĐMB/TĐ-ĐK	11/12/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP J1105T	Công ty cổ phần Đại Kim	Số 2 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	6.775.560.000
2	HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ	3006/2023/H ĐMB/TĐ-SH	30/06/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 222WJ	Công ty TNHH du lịch và thương mại Sóng Hồng	68 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Trong tháng 7/2023	5.643.000.000
3	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PIPO 416.14	15/10/2022	Túi dùng trong siêu thị	BU-B4U IMPORTADORA, EXP E COMERCIO DE SACOLAS LTDA	RUA ONZE DE JUNHO, 189 TÊRREO, SALA 705 BAIRRO FAZENDA - ITAJAI	Trước ngày 8/7/2023	1.028.677.923
4	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0112/2021/H ĐMB/TĐ-TBD	12/1/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chỉ tiết theo hợp đồng)	Công ty cổ phần Dịch vụ Thái Bình Dương	Km 56, quốc lộ 5, Xã Nam Đồng, Thành Phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Trong tháng 12/2021	1.804.400.000

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	ĐỐI TÁC	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
5	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI034-260623	04/04/2023	Túi dùng trong siêu thị	ATRIUM CO	188 COMMERCE BLVD, JOHNSTOWN, OH 43031, USA	Trước ngày 8/7/2023	1.054.215.607
6	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0109/2021/H ĐMB/TĐ-ĐT	9/1/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chỉ tiết theo hợp đồng)	Công ty cổ phần Phát triển Dầu tư Đức Thành	Số nhà 424 đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội.	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	5.274.940.000
7	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2210/2021/H ĐMB/TĐ-SV	10/22/2021	Hạt nhựa nguyên sinh Polypropylene J900N	Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu tư SV	Tầng 11, Tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng	6.912.640.000
8	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI262.267-040922	6/2/2022	Shopping Bag- Túi dùng trong siêu thị	ACT GLOBAL TRADING INC	2785 Pacific Coast Highway Suite #324 Torrance, California 905057066	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	39.319,98 USD
9	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI242-040922	6/29/2022	Shopping Bag- Túi dùng trong siêu thị	GREAT PACKAGING	Carretera de Fuencarral N° 44, Edif 5, Oficina 29, 28108, Alcobendas, Madrid	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	44.340,8 USD

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đội tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
10	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0212/2022/H ĐMB/TĐ-ĐT	12/2/2022	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE EFDA-7047	Công ty cổ phần Quan hệ Quốc tế - Đầu tư Sản xuất	Số 508 đường Trường Chinh, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	7.240.000.000
11	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1812/2022/H ĐMB/TĐ-PD	12/18/2022	Hạt nhựa nguyên sinh PP HY301	Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Phương Duyên	Số 4, nhà C8A, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	7.282.000.000
12	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1608/2022/H ĐMB/TĐ-PTSV	8/16/2022	Hạt nhựa nguyên sinh PP (Y130)	Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Sao Việt	Số 63, Phố Nguyễn Khang, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	5.072.000.000
II	Hợp đồng mua hàng hóa							
1	Hợp đồng mua hàng	31/07/2021/H ĐMB	7/31/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chỉ tiết theo Hợp đồng)	Công ty TNHH Bao bì Anh Mỹ	Cụm 8, khu 4, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Trong vòng 15 ngày kể từ khi ký hợp đồng	2.062.100.000
2	Hợp đồng mua hàng	M70A/2021/H ĐMB	7/27/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP (Mã số NSJ105G)	Công ty cổ phần Maruni Quốc tế	Số 51, ngách 53/103 đường Đức Giang, tổ 20, P. Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Ngày 29/07/2021-04/08/2021	4.785.000.000

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
3	Hợp đồng kinh tế	184/NL-TĐ/2021	3/18/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP R680S	Công ty TNHH TM và đầu tư quốc tế Ngọc Linh	Số nhà 3A/168 đường Thụy Khuê, P. Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Hà Nội	3/22/2021	1.421.200.000
4	Hợp đồng mua bán vật tư sản phẩm	430-TĐ	11/10/2021	Hạt nhựa PP3110	Công ty cổ phần hóa chất nhựa Đà Nẵng	19-21 Nguyễn Thái Học, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cuối tháng 11.2021	3.944.000.000
5	Hợp đồng kinh tế	1303/HĐMB/KK-TĐ/2023	13/03/2023	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE BL6200+HDP E FE 0235GC	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	Số nhà 19, ngõ 149 phố Ô Cách, phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Tháng 03/2023	5.466.501.250
6	Hợp đồng mua bán	2704/TABN-TĐ	27/04/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 218WJ	Công ty CP Trường An Bắc Ninh	KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tháng 5/2023	4.731.375.000
7	Hợp đồng bán hàng	S221208	12/12/2022	Hạt nhựa Polypropylen c NSJ105G	Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	Phòng 1203, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM	từ khi ký hợp đồng đến 31/12/2022	5.616.000.000

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
8	Hợp đồng mua bán	HS-TD14122022-001	12/14/2022	Hạt nhựa Polypropylene các loại (chỉ tiết theo hợp đồng)	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	Lô 01CN- 08CN, khu công nghiệp Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	Trong tháng 1/2023	8.605.520.000
9	Hợp đồng mua bán	1403TD-HNSG/HĐKT 2022	3/14/2022	Hạt nhựa PP HP563S	Công ty cổ phần hóa nhựa Sài Gòn	45A, Nguyễn Văn Bá, KP 3, P.Bình Thọ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Từ ngày 25/03/2022 đến 29/04/2022	18.500.000.000
10	Hợp đồng mua bán	036/TM-TD 22	2/26/2022	Hạt nhựa PP nguyên sinh mã Y130	Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	Số 9A, Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Từ ngày ký hợp đồng đến 04/03/2022	7.260.000.000

Nguồn: TDP

- Các đối tác tham gia trong các hợp đồng bán hàng nêu trên của TDP đều không có mối quan hệ gì với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn của TDP.
- Các điều khoản quan trọng khác trong các hợp đồng: không có

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách các khách hàng lớn từ năm 2019 đến nay

Tên khách hàng	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/ doanh thu	Khởi điểm năm hợp tác	Thời gian giao dịch	Sản phẩm
Công ty TNHH bao bì Việt Bắc	71.575.457.000	0,96%	2019	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Manh
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHÚ QUÝ PACKAGING	34.233.702.974	0,65%	2022	Từ năm 2022 đến tháng 9/2023	Manh
Euro Nature Green SDN BHD	180.214.810.827	2,43%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Túi shopping
MARIO CO., LTD	149.281.571.248	2,01%	2020	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Túi shopping
CÔNG TY TNHH NGUYÊN LIỆU THIÊN SƠN	21.184.102.880	0,91%	2023	Từ tháng 1/2023 đến tháng 9/2023	Bao PP
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Tuệ Đăng	47.658.323.900	0,64%	2019	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Bao PP
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	478.348.539.995	6,44%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Hạt nguyên sinh
Công ty cổ phần Đại Kim	494.537.018.739	6,66%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Hạt nguyên sinh

Nguồn: TDP

Danh sách các nhà cung cấp lớn từ năm 2019 đến nay

Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng	Khởi điểm năm hợp tác	Thời gian giao dịch	Sản phẩm
Công ty Cổ Phần STAVIAN Hoá Chất	1.971.272.857.480	30,93%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Hạt nguyên sinh
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	417.093.480.964	6,55%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Hạt nguyên sinh
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu máy	232.481.722.913	3,65%	2019	Từ năm 2021 đến	Hạt nguyên sinh

và phụ tùng				tháng 9/2023	
Phạm Thị Minh	3.656.198.849	0,06%	2017	Từ năm 2022 đến tháng 9/2023	Bao xi, nhựa phế
Lê Thị Thủy - Mạnh	6.655.814.340	0,10%	2017	Từ năm 2022 đến tháng 9/2023	Bao xi, nhựa phế
Nguyễn Văn Đoàn	2.562.007.466	0,04%	2017	Từ năm 2022 đến tháng 9/2023	Bao xi, nhựa phế
Công ty TNHH Sản Xuất Phụ Liệu May Vinazip	32.657.801.520	0,51%	2018	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Nguyên phụ liệu
Chi nhánh 3 - Công ty CP SX TM Tân Việt Sinh	37.044.781.000	0,58%	2017	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Nguyên phụ liệu
GUANGDONG DECRO PACKAGE FILMS CO., LTD	6.154.106.200	0,10%	2021	Từ tháng 1/2023 đến tháng 9/2023	Nguyên phụ liệu
JIANGSU KAITIAN INTELLIGENT TECHNOLOGY CO.,LTD	9.320.178.987	0,15%	2021	Từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2023	Vật tư, công cụ dụng cụ
FOROP ADVANCED MATELRIALS CO.,LTD	66.311.654.497	1,04%	2021	Từ năm 2021 đến tháng 9/2023	Vật tư, công cụ dụng cụ

Nguồn: TDP

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào nêu trên của TDP không có mối quan hệ gì với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn của TDP.

10.7 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

10.7.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Đứng vị trí số 2 trong bản xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2022 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04/10/2022.

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Thuận Đức vinh dự đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2022 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04 tháng 10 năm 2022. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng; (3) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan được thực hiện trong tháng 8-9/2022. Ngoài ra, Công

ty chưa thu thập được các thông tin về thị phần trong ngành từ các nguồn tin chính thống khác.

Công ty cổ phần Thuận Đức có bề dày kinh nghiệm, dây chuyền sản xuất hiện đại, quy mô không ngừng mở rộng.

Với hơn 12 năm phát triển, TDP đã trở thành một đơn vị uy tín được hơn 500 doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước lựa chọn, đồng thời cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của khoảng hơn 20 tập đoàn bán lẻ trên thế giới.

Trong suốt quá trình phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Các cơ sở sản xuất của TDP được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. 100% máy móc, thiết bị chính được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực.

Trên cơ sở đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, TDP đã và đang mở rộng quy mô sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 05 nhà máy bao gồm 4 nhà máy tại Kim Động, Hưng Yên đang hoạt động, 1 nhà máy tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Đồng thời Công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng thêm nhà máy tại Bim Sơn Thanh Hóa và nhà máy tại Hưng Yên Thuận Đức JB để mở rộng năng lực sản xuất và hoàn thiện chuỗi các sản phẩm trong ngành nhựa PP bao bì đựng công nghiệp. Các nhà máy với công suất lớn, hoạt động liên tục, hệ thống máy móc tự động sẽ tạo sản lượng lớn, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

Quy trình sản xuất khép kín, đạt chuẩn quốc tế

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy của TDP mang tính chủ động cao, tự chủ về nguồn nguyên liệu.

Đặc biệt, Công ty sở hữu nhà máy sản xuất hạt nhựa tái chế từ vỏ bao xi măng đập – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP với công suất khoảng 43.061 tấn hạt nhựa giúp chủ động nguồn nguyên liệu. Điều này không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn đảm bảo tính ổn định trong sản xuất cho TDP. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp TDP cạnh tranh và đứng vững trong ngành hơn 10 năm qua.

Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được TDP đặt lên hàng đầu, đặc biệt với những đơn hàng xuất khẩu phục vụ cho các khách hàng quốc tế với tiêu chuẩn khắt khe. Do đó xuyên suốt quá trình phát triển, TDP đã chủ trương xây dựng toàn diện bộ quy chuẩn về chất lượng, về sử dụng lao động, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, vệ sinh thực phẩm, nhà xưởng, trang thiết bị bảo hộ cho người lao động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, TDP đã đạt được chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ICS, BSCI. Đây cũng là một lợi thế đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TDP ở hiện tại và tương lai trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao của thị trường nội địa và với tham vọng không ngừng lớn mạnh vươn ra thị trường quốc tế.

Ngoài ra, đội ngũ bán hàng của Công ty cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh túi siêu thị PP và trong lĩnh vực xuất khẩu. Công tác marketing không ngừng được mở rộng, nâng cao để ngày càng mở rộng thị trường trong nước và tăng cường tiếp cận với thị trường xuất khẩu. Hiện nay, ngoài việc tiếp cận khách hàng và bán hàng trực tiếp, TDP còn đang tìm kiếm thị trường tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử B2B, trang web quảng cáo, xúc tiến thương mại, tham gia các hội trợ trưng bày sản phẩm, tăng cường kết nối khách hàng ... Mạng lưới khách hàng của TDP phủ khắp cả nước với hơn 500 doanh nghiệp nội địa và hơn 20 đối tác là tập đoàn nước ngoài từ những thị trường khó tính như Nhật Bản, Châu Âu...

10.7.2 Triển vọng phát triển ngành

Ngành nhựa thế giới hiện nay đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2013 – 2017. Động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa là nhựa bao bì và nhựa dân dụng, được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trung bình khoảng 3%. Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu đang có xu hướng chuyển dịch sang châu Á và Trung Quốc. Sản phẩm nhựa có xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm thân thiện với môi trường. Đây là những điểm thuận lợi cho Công ty cổ phần Thuận Đức thâm nhập sâu vào thị trường thế giới.

Ngành công nghiệp Nhựa ở Việt Nam dù còn non trẻ so với các ngành công nghiệp lâu đời khác như cơ khí, điện - điện tử, hoá chất, dệt may... nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Ngành Nhựa giai đoạn 2010 - 2020, là một trong những ngành công nghiệp có tăng trưởng cao nhất Việt Nam với mức tăng hàng năm từ 16% - 18% (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), có những mặt hàng tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%/năm. Trong đó, nhựa bao bì và nhựa gia dụng là hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa. Nguyên liệu nhựa của Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu, đặc biệt là nhựa nguyên sinh. Năm 2021, giá trị kim ngạch nhập khẩu nhựa nguyên liệu là khoảng 11,6 tỷ USD, tăng 39,16% so với năm 2020, chiếm 55,19% tổng kim ngạch nhập khẩu nhựa. Trong đó, nhập khẩu nhựa nguyên sinh chiếm khoảng 98% và phế liệu nhựa chiếm 2%. Các nguyên liệu nhựa nguyên sinh nhập khẩu nhiều nhất là nhựa PP (HS 3901), nhựa PET (HS 3907) và nhựa PP (HS 3902). Trong giai đoạn 2018 – 2021, các dự án hóa dầu đã và sắp đi vào hoạt động sẽ giúp cải thiện rõ rệt năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam. Tuy nhiên với quy mô và tốc độ tăng trưởng của hạ nguồn của ngành nhựa hiện nay, cung nguyên liệu nhựa vẫn chưa đủ đáp ứng cầu trong nước.

Tận dụng nhựa phế liệu để tái sinh, đưa vào sản xuất sản phẩm, kéo dài vòng đời của nguyên liệu nhựa để đem lại hiệu quả về mặt kinh tế luôn là mục tiêu hướng đến ở các quốc gia, ngay cả ở các khu vực kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và EU. Giá thành thành phẩm nguyên liệu nhựa tái sinh sau khi nhập khẩu để tái chế luôn thấp hơn hạt nhựa nguyên sinh khoảng 30%, thậm chí 40%. Trong cơ cấu giá thành hầu hết các sản phẩm nhựa, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng 60 - 70%, nếu chi phí nguyên liệu giảm bao nhiêu, giá thành sản phẩm sẽ giảm tương ứng. Tuy nhiên, hiện nay PP cũng là một loại nguyên liệu phụ thuộc lớn vào việc nhập khẩu. Trong năm 2017, lượng PP nhập khẩu ước đạt 1,2 triệu tấn tương đương 1,4 tỷ USD. Việc bị động về nguồn nguyên liệu, kéo theo thiếu chủ động về giá nguyên liệu đã là một lực cản lớn cho doanh nghiệp nhựa trong nước.

Hiện nay, ngành nhựa Việt Nam đã sản xuất được nguyên liệu PP với công suất thiết kế năm 2017 khoảng 150 nghìn tấn/năm. Nhiều doanh nghiệp Việt đã chủ động được nguồn nguyên liệu PP, trong đó có Công ty cổ phần Thuận Đức. Nhờ vậy mà doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và tái đầu tư cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

♦ Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong 02 năm trở lại đây, xu thế chung của toàn cầu là tiến tới giảm thiểu chất thải nhựa, khuyến khích phát triển các sản phẩm từ nhựa tái sinh, thân thiện với môi trường. So với các sản

phẩm nhựa truyền thống khác, nhựa tái sinh mang nhiều ưu điểm vượt trội hơn hẳn, đang ngày càng được thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế sau khi đã qua sử dụng. Sản phẩm nhựa tái chế đang dần thay thế sản phẩm nhựa truyền thống, sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm trở lại đây – mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Sự phát triển của các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô, ... sẽ là điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là trong phân khúc nhựa bao bì và nhựa xây dựng. Hiện nay, vấn đề giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đã được các quốc gia, lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia khẳng định là mối quan tâm chung toàn cầu, đưa ra các cam kết mạnh mẽ về chống rác thải nhựa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hành động cụ thể để giảm thiểu và cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa không thân thiện môi trường.

Đồng thời, tăng cường tái chế, tái sử dụng và tuần hoàn chất thải nhựa. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề về suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là ô nhiễm do rác thải nhựa hay còn gọi là “ô nhiễm trắng”. Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

♦ *Định hướng phát triển của TDP*

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nhựa PP tái chế Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hàng năm, hướng tới vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, nổi bật là hạt nhựa PP tái chế, bao bì PP và túi siêu thị PP. Định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa, công nghệ thông tin và công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo rủi ro, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và sản xuất ra những sản phẩm chất lượng hàng đầu bất kể xu hướng và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, nhân viên. Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các loại sản phẩm bao bì PP tại Thanh Hóa với công suất dự kiến 60.000 tấn/năm và 01 nhà máy chuyên sản xuất túi PP xuất khẩu tại Hưng Yên với công suất dự kiến 30-35 triệu túi/tháng. Khi 02 nhà máy mới này đi vào hoạt động, sản lượng sản xuất của Công ty sẽ nâng lên đáng kể, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế. Sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP thân thiện với môi trường vẫn là hoạt động mũi nhọn: Ban lãnh đạo Công ty xác định thị trường chủ lực vẫn là xuất khẩu túi siêu thị PP đến các nước EU, Nhật, Canada, ... Đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường sang một số nước Châu Á, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La tinh. Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội: Trong các hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về môi trường. Ngoài chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác của Nhà nước đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động xã hội mang ý nghĩa như: Giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty, trên địa bàn

Công ty hoạt động và trên cả nước, tổ chức các chương trình tình nguyện tại các Trung tâm bảo trợ xã hội...

❖ ***Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới***

Trong tương lai ngành nhựa vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. TDP là một trong số ít những doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế theo Quyết định chủ trương đầu tư đối với Nhà máy sản xuất bao bì dẹt Thuận Đức với nguyên liệu đầu vào 90% là hạt nhựa nguyên sinh; 10% từ phế liệu tái chế. Đây là cơ sở vững chắc, là tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường ở Việt Nam và khu vực. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. Định hướng phát triển của Công ty tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, chủ trương chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì định hướng phát triển của Công ty sẽ giúp Công ty đạt được những mục tiêu lợi nhuận trong tương lai.

10.8 Hoạt động marketing

Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu cầu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định.

❖ ***Sản phẩm***

Hiện nay, TDP chủ yếu sản xuất các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dẹt PP, bao bì PP, túi siêu thị PP. Các sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt là sản phẩm bao bì PP được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và túi siêu thị đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của các nước ngoài khu vực như Nhật Bản, Mỹ, EU...

❖ ***Giá cả***

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cơ sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất sinh lời phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường và khách hàng, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, nên các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dẹt PP, bao bì PP, túi siêu thị của Công ty luôn có mức giá cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời, các sản phẩm dịch vụ của Công ty luôn đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng.

❖ ***Phân phối***

Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được cung ứng và phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng hóa được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ (đối với các sản phẩm nội địa) và đường biển (đối với các sản phẩm xuất khẩu).

Hệ thống phân phối rộng khắp bao gồm 01 Chi nhánh tại Miền Nam (tỉnh Long An), 01 Chi nhánh tại Miền Trung (tỉnh Thanh Hóa) và hơn 300 đại lý bán hàng trên toàn quốc. Trong hoạt động dịch vụ bán hàng, bộ phận kinh doanh của Công ty luôn bám sát khách hàng, hỗ trợ giao hàng tận nơi, nhanh chóng, đúng hẹn, được khách hàng đánh giá cao. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên thăm hỏi và tặng quà khách hàng nhân dịp lễ tết và sự kiện đặc biệt của khách hàng. Điều này đã mang lại những khách hàng truyền thống, lâu năm, gắn bó với Công ty.

❖ **Xúc tiến bán hàng**

Với định hướng phát triển chính là nhắm vào thị trường quốc tế, TDP xác định hoạt động kinh doanh của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty được chia làm hai mảng (nội địa và xuất khẩu) với đội ngũ nhân sự năng động và giàu kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại...

❖ **Quảng cáo**

Với việc xác định rõ ràng nhóm khách hàng mục tiêu, kế hoạch quảng cáo dài hạn và ngắn hạn của công ty được đặt ra phù hợp với mục đích phát triển bền vững lâu dài cũng như mục tiêu trước mắt. Công ty đã xây dựng phát triển hệ thống thông tin bao gồm website công ty, mạng xã hội; xây dựng chiến lược marketing và truyền thông thương hiệu, sản phẩm; thực hiện quảng bá thương hiệu, sản phẩm Thuận Đức thông qua các kênh thương mại điện tử quốc tế và trong nước như Alibaba, TCV truyền hình, đài truyền thanh – VOV giao thông, quảng cáo ngoài trời, báo chí, các kênh online và mạng xã hội.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế



Thuận Đức Jsc.,

Công ty cổ phần Thuận Đức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 267877 theo Quyết định số 55852/QĐ-SHTT, ngày 05/09/2016 của Cục sở hữu trí tuệ.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty gắn liền với quá trình thực tế sản xuất các sản phẩm của Công ty. Do đó, tại mỗi nhà máy của Công ty đều có Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Bộ phận này thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù nguyên liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Cho đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển hai mảng sản phẩm chính của là Bao bì PP và Túi siêu thị PP. Bên cạnh đó, Công ty đã thành lập Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D), Bộ phận đang có những chiến lược phát triển các sản phẩm mới để mở rộng, tiếp cận nhu cầu của những thị trường tiềm năng khác, góp phần phát triển tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm:

Mục đích của nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm là nhằm tạo ra những sản phẩm mới về: thiết kế, kiểu dáng, công dụng, chất liệu, tính năng...cải tiến, nâng cao chất lượng những sản phẩm hiện có.

Nhóm nghiên cứu – phát triển công nghệ:

Mục đích của việc nghiên cứu, phát triển công nghệ nhằm mục đích tạo ra những công nghệ mới để cải tiến những sản phẩm cũ, ứng dụng vào những sản phẩm mới có chất lượng và giá thành tốt hơn;

Nhiệm vụ này còn bao gồm cả việc “tinh bào công nghệ” – nghiên cứu bí quyết công nghệ của các đối thủ để học theo hoặc dựa vào đó phát triển công nghệ mới cho doanh nghiệp mình.

Nhóm nghiên cứu – phát triển quy trình:

Mục đích của nhóm này được xem là hoạt động nghiên cứu – phát triển “phần mềm” với mục đích cải tiến, phát triển quy trình vận hành (cho máy móc), quy trình sản xuất (cho sản phẩm), quy trình làm việc của các phòng ban...

10.11 Chiến lược kinh doanh

10.11.1 Các mục tiêu chủ yếu

- Trở thành tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Định vị thương hiệu công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp hướng tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chính quyền các cấp để liên tục duy trì, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm.
- Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.
- Để thực hiện các mục tiêu dài hạn, Thuận Đức hướng tới chuẩn bị các nguồn lực cần thiết đồng thời xây dựng những chiến lược hàng năm để củng cố hướng đi xây dựng doanh nghiệp bền vững. Chuẩn bị các nguồn lực về tài chính, nhân sự, công nghệ, củng cố tiêu chuẩn hoạt động Môi trường – Xã hội – Quản trị củng cố cho việc thực hiện mục tiêu.

○ *Nguồn lực về tài chính:* Công ty tích cực duy trì và phát triển các nguồn vốn tự có, nguồn vốn vay hiện tại đang đáp ứng cho hoạt động kinh doanh. Tích cực mở rộng nguồn vốn qua

nhiều kênh tiếp cận như tín dụng, nguồn vốn thị trường chứng khoán, phát hành chứng khoán trái phiếu + cổ phiếu. Công ty cũng tái cấu trúc lại việc sử dụng các nguồn vốn, đảm bảo lãi suất tối ưu, kỳ hạn phù hợp chiến lược dài hạn hơn, thúc đẩy tối ưu sử dụng hiệu quả các nguồn vốn huy động được.

- Về nhân sự, con người: Thuận Đức chủ động đề cao nhân tố con người, phát huy nhân sự nội tại trong doanh nghiệp và việc đào tạo nội bộ để tiếp cận dễ dàng về văn hóa, chiến lược, định hướng phát triển dài hạn, ổn định tư tưởng con người. Phát triển tập trung nguồn nhân sự gắn bó với công ty, nắm vững chuyên môn, hiểu mục tiêu và triển khai được cả chiến lược từ ban lãnh đạo. Nguồn lực nhân sự cần phát qua quá trình tích lũy dài, tự đào tạo trong công việc

- Về công nghệ: Công ty huy động và tự phát triển tích lũy nguồn lực về công nghệ sản xuất sản phẩm, nghiên cứu và học hỏi thêm các công nghệ sản xuất sản phẩm mới để tối ưu hơn trong sản xuất sản phẩm. Các công nghệ phụ trợ cần thiết phải học hỏi từ nước ngoài; nhập khẩu tiếp thu công nghệ sản xuất, bảo trì vận hành dây chuyền thiết bị. Công nghệ sản xuất cần phải phù hợp nhu cầu thực tế thị trường và khách hàng, sẽ được tích lũy lâu dần qua hàng năm sau quá trình đúc kết kinh nghiệm sản xuất và phản hồi từ thị trường.

10.11.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn (Giai đoạn: 2020-2025)

Tập trung đạt được tăng trưởng ổn định và nâng cao tỷ suất lợi nhuận ở mức hợp lý, nỗ lực không ngừng để đa dạng hóa khách hàng, thương hiệu được lan tỏa đến thị trường tiêu dùng. Công ty hướng đến mô hình tập đoàn với hoạt động cốt lõi về ngành nhựa PP ở tất cả các phân khúc sản phẩm.

- Về con người

Xây dựng chiến lược nhân sự theo lớp ở tất cả các lĩnh vực/phòng ban, xây dựng khung năng lực cụ thể ở từng vị trí. Xây dựng chính sách đãi ngộ khen thưởng đặc biệt nhằm thu hút và giữ được người tài.

- Về tài chính

Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hàng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất sản phẩm các sản phẩm từ polypropylene, nổi bật là hạt nhựa tái chế và bao bì PP.

- Về khách hàng

Trở thành thương hiệu tin cậy, chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng tốt nhất, đảm bảo về tiến độ, cam kết chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Về sản phẩm

Phát triển sản phẩm công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

- Về công nghệ kỹ thuật

Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ kỹ thuật nhằm giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu suất lao động. Trở thành doanh nghiệp không chỉ kinh doanh giỏi, hệ thống quản trị hiệu quả mà còn dẫn đầu về công nghệ và văn hóa doanh nghiệp.

- Về thị trường trong tương lai

Chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, mở rộng thị trường ở khu vực Đông Nam Á, Bắc Âu, Bắc Mỹ, EU, Châu Á – Thái Bình Dương.

• *Về nhà máy*

Trong những năm tới sẽ phát triển thêm từ 2-3 nhà máy, toàn bộ để phục vụ xuất khẩu.

Để thực hiện Chiến lược nêu trên, Công ty sẽ bố trí các nguồn vốn với chi phí phù hợp để thực hiện việc mở rộng đầu tư sản xuất bao gồm vốn tự có tích lũy hàng năm qua lợi nhuận để lại công ty sẽ cân đối việc trả cổ tức bằng tiền/cổ phiếu, vốn các cổ đông phát hành thêm; nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức tài chính tài trợ trong dài hạn để đầu tư dự án.

10.11.3 Chiến lược phát triển bền vững

- Luôn cung cấp các sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện với môi trường (tái sử dụng được nhiều lần, phân hủy được trong môi trường tự nhiên) đến với khách hàng.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường, tuân thủ đúng quy định Pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn cải tiến và đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm hao phí nguyên vật liệu và giảm lượng chất thải ra môi trường.
- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo các quyền lợi của người lao động, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người lao động.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, nhân văn, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, nâng cao uy tín doanh nghiệp.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ chức Phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

Tình hình lao động trong Công ty năm 2021, 2022 và đến 30/10/2023

Loại lao động	Số lượng năm 2021 (người)	Số lượng năm 2022 (người)	Số lượng tính đến 30/10/2023 (người)
Phân theo trình độ học vấn			
- Trình độ trên đại học	12	11	12
- Trình độ đại học	119	125	127
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	93	100	105
- Đối tượng khác	1082	1073	998
Tổng cộng	1.306	1.309	1.242

Nguồn: TDP

Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục (2021-2022) trước năm đăng ký chào bán là: 1.308 người

❖ **Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: không có**

❖ **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật Lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi mới lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

❖ **Chính sách lương và thưởng**

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong ba năm 2020, 2021, 2022, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022 (*)
1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12%	12%	12%
2	Trả cổ tức bằng tiền mặt	0	0	0
	Tổng cộng	12%	12%	12%

Nguồn: ĐHĐCĐ thường niên TDP

(*) Đối với cổ tức năm 2022, Công ty đã thực hiện vào ngày 19/06/2023.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Từ năm 2021 đến nay, Công ty chỉ có các đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức, không có đợt chào bán nào có thu tiền.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

Bảng 19: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)	Hình thức thanh toán
		Từ ngày	Đến ngày			
1	GCNQSD.CG 540257(05/09/2017)- thửa đất 336	5/9/2017	7/11/2057	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17.635 m ²	Thanh toán tiền thuê đất hàng năm
2	05/2020PLHĐ	22/1/2020	22/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 1	14.657 m ²	Thanh toán 06 tháng 01 lần
3	04/2019PLHĐ	1/1/2020	1/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 2	10.200 m ²	Thanh toán 06 tháng 01 lần
4	1962/2022/RV-TĐ	1/1/2022	22/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 3	3.373 m ²	Thanh toán 06 tháng 01 lần
5	02/2019/HĐTX- MHY + PLHĐ ngày 12.04.2022	1/7/2019	30/6/2024	Thuê nhà kho Mình Hải	2.532,14 m ²	Thanh toán 06 tháng 01 lần
6	18/2022/HĐTK-TĐ	1/5/2022	30/4/2027	Thuê kho Long An	1.225 m ²	Thanh toán 06 tháng 01 lần
7	08/2021/HĐKT	01/05/2021	22/1/2025	Thuê kho	7.705 m ²	Thanh toán

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)	Hình thức thanh toán
		Từ ngày	Đến ngày			
				Rừng Vàng 4		06 tháng 01 lần
	Tổng cộng				57.327,14 m²	

Nguồn: TDP

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Năm 2022, Công ty bị xử lý vi phạm hành chính về thuế theo Quyết định số 4721/QĐ-XPVPHC ngày 04/08/2022 của Cục thuế tỉnh Hưng Yên, Công ty đã công bố thông tin ngày 11/08/2022, và đã nộp tiền vào kho bạc Nhà nước để khắc phục hậu quả vi phạm. Tổng số tiền nộp phạt vào kho bạc Nhà nước là 41.942.962 đồng bao gồm tiền thuế TNDN và tiền phạt, chậm nộp.

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất.

Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2021, 2022, 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm 2022/ 2021	09 tháng đầu năm 2023
Tổng giá trị tài sản	2.408.246.755.585	2.897.448.030.885	20,31%	3.250.354.393.685
Doanh thu thuần	2.168.193.909.459	2.916.664.656.466	34,52%	2.337.379.536.601
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	104.831.800.683	108.773.331.356	3,76%	40.599.425.739
Lợi nhuận khác	(2.691.194.508)	(4.121.974.305)	-	(7.726.656.019)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.140.606.175	104.651.357.050	2,46%	32.872.769.720

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm 2022/ 2021	09 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế	84.514.249.033	81.708.869.979	-3,32%	17.855.341.476
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	12%	0,00%	

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022, 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm 2022/ 2021	09 tháng đầu năm 2023
Tổng giá trị tài sản	2.739.085.587.744	3.321.100.589.906	21,25%	3.677.743.870.838
Doanh thu thuần	2.440.109.488.324	3.247.695.870.017	33,10%	2.714.765.005.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	113.411.233.920	127.959.026.245	12,83%	53.773.220.876
Lợi nhuận khác	(2.924.646.551)	(4.577.511.628)	-	(8.005.834.307)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.486.587.369	123.381.514.617	11,67%	45.767.386.569
Lợi nhuận sau thuế	86.818.655.530	93.744.633.417	7,98%	25.989.426.966

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 của công ty tăng 33,10% và 7,98% so với năm 2021. Năm 2021 – 2022, tuy có nhiều khó khăn do sự tác động vẫn còn của dịch bệnh Covid-19, nhưng tình hình dịch bệnh cũng đã đẩy nhu cầu khẩu trang và thiết bị bảo hộ y tế tăng đột biến, đưa đến cơ hội cho Thuận Đức. Để chủ động hơn về nguồn nguyên liệu và có thể cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thiết bị y tế, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư sản xuất vải PP không dệt. Đây cũng là loại nguyên liệu sản xuất túi siêu thị xuất khẩu. Bên cạnh đó, với uy tín, chất lượng, thương hiệu đã giúp Thuận Đức giữ vững được sự hài lòng của khách hàng. Nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của Thuận Đức vẫn tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong năm 2021-2022.

9 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận giá trị 2.714 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế đạt gần 26 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu khác để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động: không có

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

♦ **Thuận lợi:**

- Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu tiếp tục xu hướng chuyển dịch sang châu Á và Trung Quốc, Châu Á được kỳ vọng sẽ là các khu vực có mức tăng trưởng nhanh về nhu cầu các sản phẩm nhựa trong tương lai.
- Do đứt gãy chuỗi cung ứng, nền kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng. Việc áp dụng chính sách Zero Covid nền kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng nặng nề. Thời gian này là cơ hội cho các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong việc tìm kiếm, chiếm lĩnh và lấp kín khoảng trống thị trường. Và Việt Nam đang là điểm sáng trong bức tranh kinh tế, thu hút đầu tư.
- Theo xu hướng chung của Thế giới đang chuyển dịch sang các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách cụ thể ưu tiên chú trọng việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Yếu tố thân thiện với môi trường đang dần trở thành một tiêu chí thiết yếu trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm của các thị trường phát triển. Vì vậy chuyển đổi sản xuất sang các sản phẩm nhựa có khả năng phân hủy tốt là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới.
- Các hiệp định thương mại tự do ASEAN, EU... luôn mở ra cơ hội cho xuất khẩu, cùng các ngành kinh tế Xanh, kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, việc xóa bỏ một số dòng thuế theo các hiệp định CPTPP, EVFTA sau năm thứ 7 trong đó có sản phẩm túi siêu thị Thuận Đức đang sản xuất, tạo cơ hội thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của công ty sang các thị trường EU, Canada, Nhật Bản...thuận lợi hơn rất nhiều.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ hỗ trợ của Lãnh đạo tỉnh Hưng Yên, các ban ngành hữu quan trong Tỉnh cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách các thủ tục hành chính đảm bảo cho doanh nghiệp có cơ hội phát triển kinh doanh.
- TDP tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ sử dụng nguyên liệu tái sinh và tái chế lại được các sản phẩm lỗi, hỏng, phế trong sản xuất được quay vòng tuần hoàn liên tục nên hạn chế được lãng phí trong sản xuất.

♦ **Khó khăn**

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu sụt giảm, Thế giới và Việt Nam vừa trải qua đại dịch Covid với nhiều hệ lụy nặng nề cùng với tác động của chiến tranh tại Châu Âu khiến cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp rất nhiều khó khăn. Từ đầu năm 2022 đến nay giá dầu và giá các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất trên phạm vi toàn cầu liên tục tăng, giá cước vận chuyển quốc tế cao 3-4 lần so với thời kỳ bình ổn. Trước áp lực lạm phát tăng cao, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đã tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ. Các ngân hàng liên tục điều chỉnh lãi suất. Ngân hàng Nhà nước đang tiếp tục duy trì công cụ hạn mức tín dụng để kiểm soát lạm phát mục tiêu và thanh khoản hệ thống ngân hàng, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, khiến việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn khó khăn. Những tác động từ tăng trưởng nền kinh tế nêu trên gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, Các quốc gia Châu Mỹ, Châu Âu là các thị trường trọng tâm tiêu thụ sản phẩm Công ty vẫn phải áp dụng các biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến tình hình kinh doanh ở các thị trường đó đều gặp khó khăn, làm cho nhu cầu sử dụng sản phẩm giảm mạnh.
- Năm 2022, tăng trưởng ngành Nhựa Việt Nam đạt 1,9%, là năm thấp nhất sau hơn 1 thập niên tăng trưởng liên tục trên 15% có năm trên 30%. Kim ngạch xuất khẩu sản

phẩm nhựa Việt Nam tiếp tục tăng nhưng thấp hơn một nửa (10,5%) so với năm 2021, đạt 5,447 tỷ USD. Doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận của doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ từ 3% đến 11% tùy theo ngành hàng. Do giá nguyên liệu tăng từ 1,3% đến 3,68%, cộng với chính sách tăng lãi suất cho vay bằng tiền đồng Việt Nam

- Năm 2022 là năm thứ 16 đi vào hoạt động của Công ty, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đang trong quá trình phải đầu tư, nâng cấp và bảo dưỡng.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, trích khấu hao tài sản cố định và mức lương bình quân

▪ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Thuận Đức luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

▪ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá tài sản cố định. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại tài sản cố định. Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nhà cửa, vật kiến trúc : 5-28 năm

Máy móc, thiết bị : 3-16 năm

Phần mềm máy tính : 5-6 năm

Phương tiện vận tải : 5-15 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý : 3-10 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính cũng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị : 8-15 năm

Phương tiện vận tải : 5-10 năm

Toàn bộ tài sản được xác định từ đầu về thời gian khấu hao và khấu hao theo khung trọn đời. Công ty không có sự tự điều chỉnh bất cứ khung khấu hao của tài sản nào, cũng như không có sự điều chỉnh chính sách khấu hao qua các năm.

▪ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2022 là 11,4 triệu đồng/người/tháng. Mức lương này là tương đương so với các doanh nghiệp khác cùng Ngành trên địa bàn, dựa trên những thông tin thu thập từ nhân viên. Hiện tại Công ty không có nguồn tham khảo chính thức về mức lương bình quân đối với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng lĩnh vực.

2.1.2 Tình hình công nợ

2.1.1.1 Các khoản phải thu

Bảng 22: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	571.438.135.628	623.314.640.427	561.009.471.898
Phải thu khách hàng	257.615.447.733	349.065.116.720	343.603.904.304
Trả trước người bán	117.181.095.758	243.160.238.399	174.686.813.144
Phải thu cho vay ngắn hạn	78.900.000.000	4.050.000.000	18.082.263.863
Các khoản phải thu khác	117.741.592.137	27.039.285.308	24.636.490.587
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	225.993.120.269	258.494.442.624	156.779.509.189
Tổng cộng	797.431.255.897	881.809.083.051	717.788.981.087

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 23: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	517.930.925.166	587.555.163.268	522.433.974.102
Phải thu khách hàng	249.967.747.695	341.140.530.292	331.283.063.558
Trả trước người bán	98.331.643.994	210.566.087.797	168.704.253.794
Phải thu cho vay ngắn hạn	66.400.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	103.231.533.477	35.848.545.179	22.446.656.750
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	194.189.847.543	207.046.152.036	105.554.091.568
Tổng cộng	712.120.772.709	794.601.315.304	627.988.065.670

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

Các khoản phải thu quá hạn: không có.

2.1.1.2 Các khoản phải trả

❖ Các khoản phải trả

Bảng 24: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
----------	------------	------------	------------

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	1.700.641.252.225	2.219.837.611.500	2.622.927.720.204
Phải trả cho người bán	202.424.137.990	162.359.519.000	275.905.823.333
Người mua trả tiền trước	33.914.751.340	15.797.713.356	44.446.149.344
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	24.246.648.038	29.226.101.655	20.443.817.929
Phải trả người lao động	17.882.344.555	14.564.153.384	26.437.002.038
Chi phí phải trả	11.641.468.778	12.449.750.297	6.371.725.717
Doanh thu chưa thực hiện	-	141.891.821	730.121.221
Các khoản phải trả phải nộp khác	941.559.250	2.146.080.545	6.711.144.954
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.409.590.342.274	1.983.152.401.442	2.241.881.935.668
II. Khoản phải trả dài hạn	318.101.693.923	287.535.703.391	214.874.351.688
Phải trả dài hạn khác	2.873.041.903	4.067.622.286	2.785.811.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	315.228.652.020	283.468.081.105	212.088.539.742
Tổng cộng	2.018.742.946.148	2.507.373.314.891	2.837.802.071.892

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	1.404.707.503.490	1.820.046.364.139	2.218.700.497.825
Phải trả cho người bán	171.333.881.555	130.498.726.505	231.895.683.025
Người mua trả tiền trước	32.727.393.535	15.495.465.014	33.296.494.201
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	17.949.716.223	22.867.820.731	15.189.505.838
Phải trả người lao động	12.993.766.229	9.571.093.946	17.647.688.952
Chi phí phải trả	10.156.062.961	10.957.722.410	5.062.151.864
Các khoản phải trả phải nộp khác	304.465.025	1.344.956.205	4.510.363.845
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.159.242.217.962	1.629.310.579.328	1.911.098.610.100
II. Các khoản phải trả dài hạn	284.254.554.378	276.768.099.050	213.164.986.688
Phải trả dài hạn khác	1.913.587.359	3.405.331.698	2.346.394.325
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	282.340.967.019	273.362.767.352	210.818.592.363
Tổng cộng	1.688.962.057.868	2.096.814.463.189	2.431.865.484.513

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

♦ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tại thời điểm 31/12/2022 và tại thời điểm 30/09/2023, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

♦ **Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và công ty con:** Không có.

♦ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm cả giá trị gia tăng. Công ty tuân thủ các quy định pháp luật đối với các khoản phải nộp theo luật định. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022, 30/09/2023 như sau:

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.814.790.601	28.930.266.165	18.937.172.629
2	Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.334.567.706
3	Thuế thu nhập cá nhân	431.617.437	295.595.490	172.077.594
4	Thuế tài nguyên	240.000	240.000	-
5	Các loại thuế khác	-	-	-
Tổng cộng		24.246.648.038	29.226.101.655	20.443.817.929

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.626.357.142	22.661.050.406	15.017.428.244
2	Thuế thu nhập cá nhân	323.119.081	206.530.325	172.077.594
3	Thuế GTGT	-	-	-
4	Các loại thuế khác	240.000	240.000	-
Tổng cộng		17.949.716.223	22.867.820.731	15.189.505.838

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TDP trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau

Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
Tổng cộng		16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của TDP

Bảng 29: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
Tổng cộng		16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý III năm 2023 của TDP

- ❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2022): Không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,05	1,05
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,51	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,75
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,80	3,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,36	3,07
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,07	1,07
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	1,59	1,58
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,04	0,03
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	0,13	0,12
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	0,04	0,03
Thu nhập trên cổ phần (EPS - đồng/cp)	1.282	1.390

Nguồn: Tính toán từ số liệu BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,05	1,04
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,54	0,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,35	2,62
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,66	3,77
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,08	1,10
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	1,67	1,73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,04	0,03
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	0,12	0,11
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	0,04	0,03

Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của TDP

Khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán nợ của Công ty không có sự biến động lớn trong năm 2021-2022. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty được duy trì ổn định và lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh Công ty có thể hoàn toàn bù đắp đủ các nghĩa vụ nợ phát sinh.

Cơ cấu vốn: Nợ phải trả bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Các chỉ số cơ cấu vốn của Công ty cũng tương đối ổn định. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2022 của công ty mẹ và hợp nhất tương ứng là 2,62 và 3,08 là mức phù hợp trong điều kiện Công ty đang trong giai đoạn tiếp tục tìm kiếm, huy động nguồn vốn tài trợ để triển khai một số dự án.

Năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty năm 2022 đều tăng so với năm 2021, phần nào phản ánh tình hình hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngày một cải thiện.

Khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu khả năng sinh lời ROA, ROE năm 2022 của Công ty giảm không đáng kể so với năm 2021.

Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2021

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2022**

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ **Kết luận của Kiểm toán viên Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2023**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

❖ **Kết luận của Kiểm toán viên Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2023**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 32: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023	
		Số liệu năm 2023 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	2.897	3.632	25,4%
Lợi nhuận sau thuế	82	95	16,3%
Vốn điều lệ	674	825	22,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,8%	2,6%	-

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023	
		Số liệu năm 2023 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2022
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12%	11,5%	-
Tỷ lệ cổ tức	12%(*)	12%	-

Nguồn: TDP

Ghi chú: Kế hoạch kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2023/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 28/04/2023.

(*) Đối với cổ tức năm 2022, Công ty đã thực hiện vào ngày 19/06/2023.

Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2023 đã đề ra, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp như sau:

- Tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường tiềm năng mới trong lĩnh vực bao bì (nội địa, thị trường Châu Á, Châu Mỹ). Tập trung khai thác phân khúc khách hàng, thị trường có khả năng sinh lời cao như Hàn Quốc, Nhật Bản. Tận dụng tối đa các chứng chỉ về tái chế, các hiệp định thương mại để gia nhập các thị trường mới;
- Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để đưa ra thị trường các sản phẩm mới của manh PP không dệt, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng như túi dập nhiệt, túi T-Shirt, thảm, túi đựng áo vest...;
- Duy trì và phát triển áp dụng chuyển đổi công nghệ số vào các quá trình vận hành, quản trị công ty;
- Giao hàng và lập thủ tục thanh toán nhanh nhất để thu hồi vốn, tăng vòng quay vốn phục vụ cho nhu cầu SXKD; thực hiện triệt để công tác thu hồi công nợ;
- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, bảo trì thiết bị để bảo đảm luôn ở trạng thái sẵn sàng phục vụ sản xuất, tận dụng thời cơ để có thêm sản lượng vào những thời điểm nhu cầu thị trường tăng đột biến;
- Đặt chất lượng sản phẩm là yếu tố tiên quyết để tồn tại trên thị trường cạnh tranh và luôn lắng nghe các ý kiến phản hồi của khách hàng để sẵn sàng chấn chỉnh và thay đổi;
- Xây dựng ngân sách và tiết giảm các chi phí sản xuất trong mỗi công đoạn;
- Áp dụng kỷ luật với người lao động trong việc tiết kiệm vật tư, điện năng và nguyên phụ liệu.

♦ Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thuận Đức do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Thuận Đức đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho HSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

HSC nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Ngành, với Công ty. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt, ngay trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19 tác động toàn cầu trong những năm qua.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Thuận Đức cung cấp. Thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thuận Đức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 ngày 17 tháng 07 năm 2023.

Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 04/08/2023

Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Nguyễn Đức Cường	1970	Việt Nam	020070000067	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	24.860.032	32,91
2	Ngô Kim Dung	1972	Việt Nam	020172000113		5.242.077	6,94
Tổng cộng						30.102.109	39,85

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/08/2023 của Công ty

Thông tin về cổ đông lớn:

❖ Thông tin về cổ đông lớn ông Nguyễn Đức Cường: Chi tiết tại nội dung VI.3.1 của Bản Cáo Bạch này;

❖ Thông tin về cổ đông lớn bà Ngô Kim Dung: Chi tiết tại nội dung VI.3.1 của Bản Cáo Bạch này.

2.2 Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan

STT	Tên	Chức vụ/ mối quan hệ với NCLQ	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại thời điểm hiện tại (ds cổ đông chốt ngày 04/08/2023)		Dự kiến sau phát hành	

1	Nguyễn Đức Cường	Cổ đông lớn	8.295.667	33,18	24.860.032	32,91	27.346.035	32,91
1.1	Ngô Kim Dung	Vợ	1.633.800	6,54	5.242.077	6,94	5.766.285	6,94
1.2	Nguyễn Kim Anh	Con	102.000	0,41	1.130.149	1,50	1.243.164	1,50
1.3	Nguyễn Đức Chính	Con	0	0	2.950.314	3,91	3.245.345	3,91
1.4	Nguyễn Đức Thịnh	Em ruột	300.000	1,20	1.254.392	1,66	1.379.831	1,66
1.5	Nguyễn Thị Hằng	Em ruột	140.000	0,56	222.352	0,29	244.587	0,29
1.6	Nguyễn Văn Tuyền	Em rể	0	0	125.881	0,17	138.469	0,17
1.7	Dương Ngân Liên	Em dâu	3.000	0,01	5.285	0,01	5.814	0,01
1.8	CTCP Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0	0	0
1.9	CTCP Sản xuất bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0	0	0
1.10	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Chủ tịch	0	0	0	0	0	0
1.11	Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0	0	0
2	Ngô Kim Dung	Cổ đông lớn	1.633.800	6,54	5.242.077	6,94	5.766.285	6,94
2.1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	8.295.667	33,18	24.860.032	32,91	27.346.035	32,91
2.2	Nguyễn Kim Anh	Con	102.000	0,41	1.130.149	1,50	1.243.164	1,50
2.3	Nguyễn Đức Chính	Con	0	0	2.950.314	3,91	3.245.345	3,91
2.4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	300.000	1,20	472.055	0,63	519.261	0,63
2.5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	250.000	1,00	351.232	0,47	386.355	0,47
2.6	Ngô Thị Yên	Chị gái	100.000	0,40	157.351	0,21	173.086	0,21
2.7	Ngô Thúy Nga	Chị gái	0	0	314.703	0,42	346.173	0,42
2.8	Ngô Thanh Quang	Anh trai	0	0	0	0	0	0
2.9	Ngô Tổ Vinh	Chị gái	0	0	0	0	0	0
2.10	Ngô Quang Trung	Em trai	0	0	0	0	0	0

2.11	CTCP Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0
------	--------------------	-----------------	---	---	---	---	---	---

2.3 Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty và các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ : Không có

2.4 Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc(Giám đốc), Phó Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị Công ty
4	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Phạm Văn Chi	Thành viên HĐQT độc lập
6	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT độc lập
7	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

3.1.1 Ông Nguyễn Đức Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Đức Cường
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư hóa (chuyên ngành nhựa)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 2002	Học tập và làm việc trong các	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Doanh nghiệp chế tạo máy và sản xuất ngành nhựa tại Trung Quốc	
2003 - 2006	Công ty cổ phần Tiến Long	Giám đốc
01/2007 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT
01/2018 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT
07/2014 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT
11/2021 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT
08/2021 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức JB	Chủ tịch HĐQT
11/2019 - nay	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.	Chủ tịch Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức JB
 - + Chủ tịch Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.
- Số cổ phần nắm giữ: 24.860.032 cổ phần (tương ứng 32,91 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 24.860.032 cổ phần (tương ứng với 32,91% vốn điều lệ).
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty, và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngô Kim Dung	Vợ	5.242.077	6,94
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.130.149	1,50
3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91
4	Nguyễn Đức Thịnh	Em trai	1.254.392	1,66
5	Nguyễn Thị Hằng	Em gái	222.352	0,29
6	Nguyễn Văn Tuyển	Em rể	125.881	0,17
7	Dương Ngân Liên	Em dâu	5.285	0,01

- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Chức danh tại Công ty
1	Ngô Kim Dung	Vợ	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ
2	Nguyễn Kim Anh	Con	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	60.000.000	160.000.000	180.000.000
Tiền lương	773.507.538	735.250.000	566.058.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.2 Bà Ngô Kim Dung – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Ngô Kim Dung
- Giới tính: Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 - 2011	TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Kinh doanh
10/2012 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
01/2018 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 5.242.077 cổ phần (tương ứng 6,94% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.242.077 cổ phần (tương ứng với 6,94% vốn điều lệ).

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty, và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	24.860.032	32,91
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.130.149	1,50
3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91
4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	472.055	0,63
5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	351.232	0,47
6	Ngô Thị Yên	Chị gái	157.351	0,21
7	Ngô Thúy Nga	Chị gái	314.703	0,42

- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Chức danh tại Công ty
1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Kim Anh	Con	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	760.874.308	735.250.000	566.058.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.3 Bà Nguyễn Kim Anh – Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

- Họ và tên: Nguyễn Kim Anh
- Giới tính: Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 12/03/1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ 02 – 10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/06/2015 – 01/12/2017	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2017 – 01/12/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2018 – nay	Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Phó Giám đốc
23/04/2019 – 28/06/2020	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
28/06/2020 – 22/05/2023	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
22/05/2023 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT, người phụ trách quản trị Công ty
05/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc
 - + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 1.130.149 cổ phần (tương ứng 1,50% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.130.149 cổ phần (tương ứng với 1,50% vốn điều lệ).
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Bố	24.860.032	32,91
2	Ngô Kim Dung	Mẹ	5.242.077	6,94
3	Nguyễn Đức Chính	Em trai	2.950.314	3,91

- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Chức danh tại Công ty
1	Nguyễn Đức Cường	Bố	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Mẹ	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không;
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có

- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	273.000.000	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.4 Ông Bùi Quang Sỹ – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Quang Sỹ
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tầng 37 CC Cao cấp 210 Quang Trung, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật - Luật sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Thị hành án dân sự TP. Hòa Bình	Chấp hành viên
2005 – 2008	Trung tâm ĐTDĐ CDMA Hà Nội – Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	Chuyên viên - Trưởng nhóm hỗ trợ và pháp lý
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Việt (vietmedia)	Phó Tổng giám đốc
2010 – 2011	Công ty TNHH Xây Dựng Hải Hà	Giám đốc Chi nhánh
2011 – 2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Khoáng sản Việt (vietmine.jsc.)	Trợ lý TGĐ kiêm Trưởng phòng Hành chính nhân sự
2012 - 2015	Công ty CP Casablanca	Trưởng phòng HCNS
2015 – 11/2021	Công ty CP Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc
12/2021 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2018 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 44.057 cổ phần (tương ứng 0,06% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 44.057 cổ phần (tương ứng với 0,06% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có.
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	742.874.308	736.450.000	565.308.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.5 Ông Phạm Văn Chí – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên: Phạm Văn Chí
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 18/05/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Võ Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật in
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2010 - nay	Công ty CP Xuất nhập khẩu khoáng sản Hà Nam	Giám đốc
06/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 17.622 cổ phần (tương ứng 0,02% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.622 cổ phần (tương ứng với 0,02% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.6 Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên: Nguyễn Văn Trường
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 56, đường 20 tháng 8, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư cơ khí giao thông vận tải Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2008 - nay	Công ty CP Cầu 12 CIENCO1	Giám đốc kĩ thuật thi công
06/2020 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Giám đốc kĩ thuật thi công Công ty CP Cầu 12 CIENCO1
- Số cổ phần nắm giữ: 739.502 cổ phần (tương ứng 0,98 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 660.270 cổ phần (tương ứng với 0,98 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Thủy Dung	Vợ	8.531	0,01

- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.1.7 Ông Trần Đăng Duy – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên: Trần Đăng Duy
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 13/06/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 4, Tập thể trạm điều dưỡng Số Xây dựng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2008 - 10/2010	Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển Đô thị Phố Wall.	Giám đốc Sản giao dịch bất động sản Phố Wall kiêm Phó Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
09/2010 - 10/2014	Công ty cổ phần Chứng Khoán Woori CBV.	Giám đốc khối môi giới và phát triển hệ thống kiêm Phó phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
08/2014 - 11/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Tài chính
07/2017 - 07/2018	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	Thành viên HĐQT
2014 - 2018	Giảng viên chuyên đề Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán tại Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
11/2018 - 6/2021	Công ty cổ phần Thuận Đức	Giám đốc Tài chính Chứng khoán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		và M&A
06/2021 - nay	Công ty cổ phần BĐS Đồng Quê	Tổng Giám đốc
07/2021 – 04/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Trợ lý chủ tịch HĐQT
04/2023 – 12/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT.
04/2023 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bất động sản Đồng Quê
- Số cổ phần nắm giữ: 2.955.744 cổ phần (tương ứng 3,91 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.955.744 cổ phần (tương ứng với 0,98 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	0	75.000.000
Tiền lương	0	0	300.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc
2	Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Đăng Duy	Phó Tổng Giám đốc

3.2.1 Ông Bùi Quang Sỹ – Tổng Giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

3.2.2 Bà Ngô Kim Dung – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

3.2.3 Ông Trần Đăng Duy – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

3.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Huy Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Việt Thắng	Phó Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên BKS

3.3.1 Ông Bùi Huy Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Bùi Huy Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành kiểm toán, tài chính doanh nghiệp)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - 2020	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
06/2020 – 24/04/2022 24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên BKS Trưởng BKS

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của họ: Không có

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	24.000.000	88.000.000	90.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.3.2. Ông Trần Việt Thắng – Phó Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Việt Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/09/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Viên – Xã Song Mai – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2006 – 07/2014	Công ty Thành An 141 – Binh đoàn 11 – BQP	Nhân viên, Trợ lý Ban tài chính
08/2014 – 09/2019	Công ty TNHH MTV 129 – Ban cơ yếu chính phủ	Nhân viên, Trợ lý Ban Tài chính
10/2019 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Nhân viên kế toán, Phó Ban Nguồn vốn
24/04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và cổ cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của họ: Không có

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	64.000.000	72.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.3.3 Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/01/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Duyên Yên, Xã Ngọc Thanh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006- 2008	Công ty Công ty cổ phần may 01/05	Kế toán công nợ
2008 - 2009	Công ty TNHH bao bì Lâm Việt An	Kế toán tổng hợp
2009 - 2010	Công ty TNHH may Hương Linh	Kế toán tổng hợp
2010 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán viên, Trưởng ban nguồn vốn
24/04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban nguồn vốn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.285 cổ phần (tương ứng 0,07 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.285 cổ phần (tương ứng với 0,07 % vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của họ: Không có

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	40.000.000	45.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

3.4 Kế toán trưởng: Bà Đào Thị Nga – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đào Thị Nga
- Giới tính: Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0973776439
- Ngày tháng năm sinh: 08/10/1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Long, Hùng An, Kim Động, Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – T6/2015	Công ty TNHH Orbital	Chuyên viên kế toán thuế
T7/2015 – T6/2020	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán thuế, kế toán giá thành
T7/2020 – T8/2022	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Kế toán trưởng
T9/2022 – 19/12/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Kế toán trưởng
20/12/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 39 cổ phần (tương ứng 0,00 % vốn điều lệ). Trong đó:
+ Sở hữu cá nhân: 39 cổ phần (tương ứng với 0,00 % vốn điều lệ),
+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Danh sách những người có liên quan đồng thời là người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty, công ty con, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số liệu cổ phiếu chào bán: 7.552.799 cổ phiếu
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 75.527.990.000 đồng
5. Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá
 - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC hợp nhất soát xét tại ngày 30/06/2023 là: 10.977 đồng/cổ phiếu
 - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC công ty mẹ soát xét tại ngày 30/06/2023 là: 10.721 đồng/cổ phiếu
 - Giá đóng cửa cổ phiếu TDP bình quân 60 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 13/06/2023 đến ngày 06/09/2023) là: 32.258 đồng/cổ phiếu

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên giá chào bán được xác định là 15.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối:

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 7.552.799 cổ phiếu theo hình thức thực hiện quyền mua, cụ thể như sau:

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành : 10%
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 10:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền, 10 quyền được mua 01 cổ phiếu mới)
- Nguyên tắc làm tròn : Khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Chuyển nhượng quyền mua : Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thỏa thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3)

- Điều kiện chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết : Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chào bán số lượng Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá đã chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (Sau đây gọi là "Số Cổ Phiếu Còn Lại") gồm:
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn;
 - Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (nếu có);
 - Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần.
- Số Cổ Phiếu Còn Lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được huỷ và kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

8.1. Thời hạn chào bán:

Thời hạn cho cổ đông đăng ký và thực hiện quyền mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày theo quy định. CTCP Thuận Đức sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8.2. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ.

8.3. Số lượng Cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không hạn chế số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu. Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được quyền mua.

8.4. Phương thức thanh toán

Tiền mua cổ phiếu được nộp vào tài khoản phong tỏa theo thông tin chi tiết tại mục 11 bên dưới.

8.5. Phương thức chuyển giao

Thời gian nhận chuyển giao cổ phiếu sẽ được Công ty thông báo chi tiết đến các cổ đông sau khi hoàn tất đợt phát hành.

8.6. Quyền lợi của người mua cổ phiếu

Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của Công ty kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.

Cổ đông hiện hữu được quyền nhận cổ phiếu và quyền mua theo tỷ lệ phát hành và có quyền từ chối quyền mua và chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định.

Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua được HĐQT quyết định tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành).

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN có hiệu lực	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T+1 đến T+7
3	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền	T+11
4	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu, nộp tiền mua cổ phần	T+15 đến T+35
5	HĐQT phân phối số cổ phần không chào bán hết (nếu có)	T+43 đến T+53
6	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	T+53
7	Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	T+58
8	Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	T+63

Trên đây là lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu TDP cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, tùy vào tình hình thị trường và tình hình thực tế phát sinh, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho

phù hợp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, đồng thời cũng đảm bảo đợt chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thoả thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3);
- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Thuận Đức
- Số tài khoản: 2400 201 007 831
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên

12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Như đã nêu tại Mục IV.8 (Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài) tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 51%.

Tại Nghị quyết HĐQT số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu: Thực hiện phân phối quyền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ thực hiện quyền theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- HĐQT cam kết thực hiện phân phối số cổ phiếu không bán hết, số cổ phiếu lẻ (nếu có) đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ tối đa được UBCKNN phê duyệt tại thời điểm thực hiện phân phối.

13. Các loại thuế có liên quan

Đối với Công ty

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện

theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

Đối với nhà đầu tư**❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân*****Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức***Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

14. Thông tin về các cam kết

Ngày 08/09/2023, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP, trong đó đã thông qua việc đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm, đồng thời ĐHĐCĐ cũng đã thông qua ủy quyền cho HĐQT thực hiện công việc nêu trên.

Tại Nghị quyết HĐQT số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023, HĐQT cam kết triển khai đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành trên Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu được phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn thành việc chào bán.

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Công ty dự kiến chào bán trái phiếu ra công chúng với một số thông tin như sau:

- Số lượng trái phiếu: 3.000.000 trái phiếu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền
- Kỳ hạn: 03 năm

• Lãi suất:

- Lãi suất áp dụng cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 11,2%/năm
- Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“**Lãi Suất Tham Chiếu**”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp

- Mục đích chào bán: Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để để cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể thanh toán một phần và hoặc toàn bộ các khoản thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn/dài hạn, trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP của ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 08/09/2023, số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính, căn cứ trên BCTC soát xét hợp nhất năm 2023.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: 113.291.985.000 đồng, được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính, cụ thể:

Hợp đồng số	Ngân hàng	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ	Lãi suất	Thời hạn	Thời gian thực hiện dự kiến
02/2023/3435048/HĐTD	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch I	113.291.985.000	100%	Tùy theo từng khế ước và từng thời điểm.	Dưới 9 tháng	Dự kiến trong năm 2024

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty sẽ tiếp tục dùng các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán các khoản nợ vay nêu trên.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức Tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: +84 28 3823 3299 Website: www.hsc.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 và 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3831 5100 Website: www.ey.com

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty cổ phần Thuận Đức và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) có một số nhận định như sau:

Tổng giá trị số vốn phát hành theo mệnh giá đợt này của Công ty là 75.527.990.000 đồng, tăng thêm 10% so với Vốn Điều lệ tại ngày 31/12/2022. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính. Đây là kế hoạch tăng vốn và sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cân nhắc kỹ và đệ trình cho Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Với mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phiếu là mức giá khá hấp dẫn so với giá cổ phiếu TDP đang giao dịch trên sàn HOSE, nên mức độ rủi ro như chào bán không thành công khó xảy ra. Bên cạnh một số rủi ro không thể tránh khỏi về việc cổ phiếu bị pha loãng sau phát hành thì việc gia tăng nguồn vốn trong đợt chào bán này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hưng Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



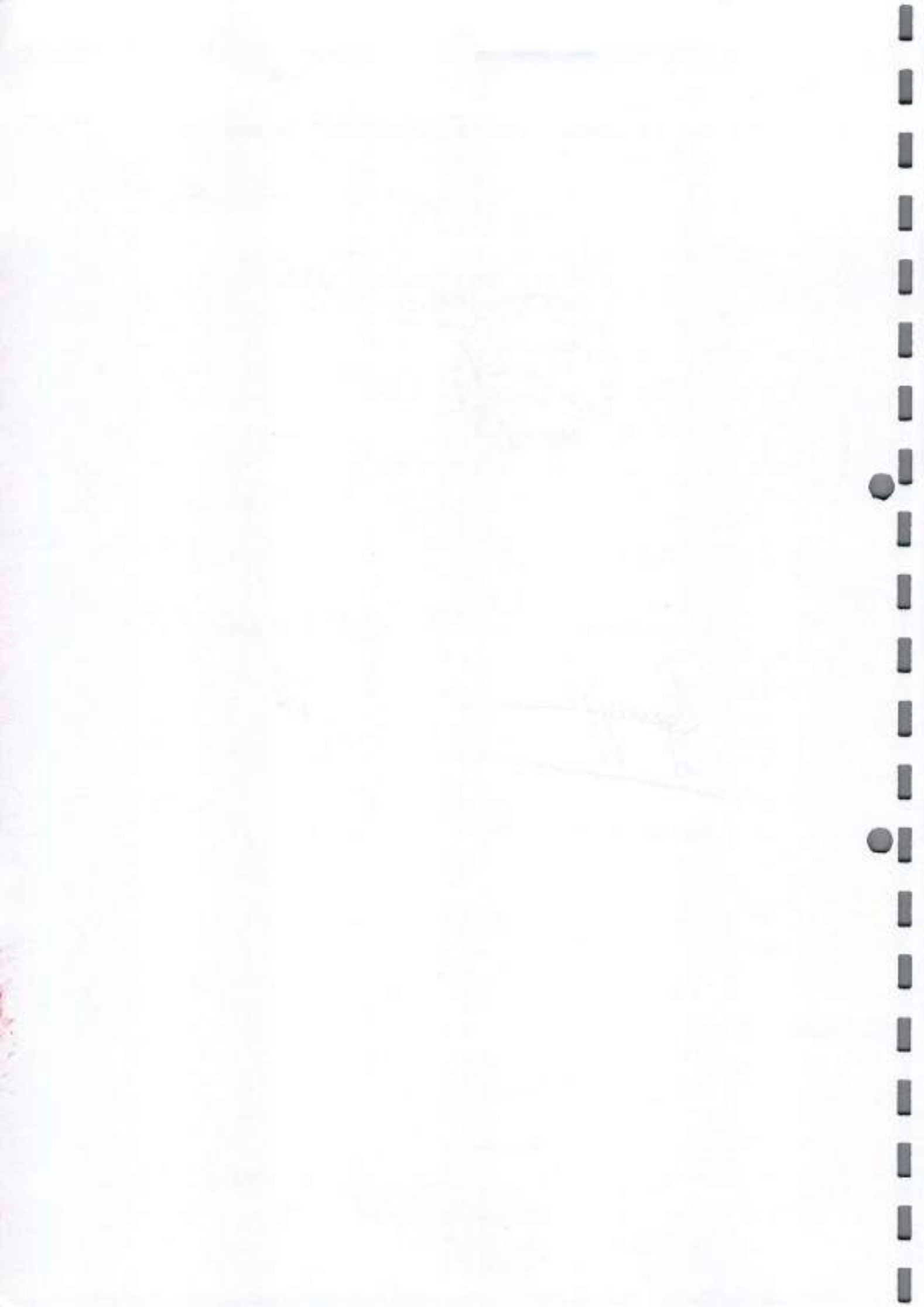
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI QUANG SỸ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐÀO THỊ NGÀ



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CTCP CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KHỞI TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**



PHAM NGOC BICH



XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 17/07/2023.
2. Các Nghị quyết:
 - i. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 thông qua phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn (đính kèm Tờ trình);
 - ii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023 thông qua việc triển khai phương án phát hành và hồ sơ đăng ký chào bán;
 - iii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0412/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 04/12/2023 sửa đổi bổ sung nội dung Nghị quyết số 2709/2023/ NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023;
3. Điều lệ công ty;
4. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2021, 2022 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét của Công ty; Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ quý 3 năm 2023 do Công ty lập;

